

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Nguyễn Thị Hạnh**

Giảng viên hướng dẫn: **Th.s Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hạnh

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Nguyễn Thị Hạnh

Mã SV: 110126

Lớp : QT1102K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng của nước ta đã có sự phát triển đáng kể. Đóng góp cho sự phát triển này là ngành xây dựng cơ bản. Thành công của ngành xây dựng cơ bản đã góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và ngày càng có nhiều điều kiện tiềm năng phát triển lâu dài.

Cùng với xu hướng phát triển đặc biệt trong cơ chế thị trường, lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản có tốc độ phát triển nhanh chưa từng có ở nước ta. Các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau không chỉ dựa vào chất lượng của công trình mà còn phụ thuộc vào giá của công trình có tính cạnh tranh với các doanh nghiệp khác hay không. Do vậy, các doanh nghiệp luôn phải tìm mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, quản lý vốn có hiệu quả, khắc phục tình trạng lãng phí, thất thoát nguyên vật liệu.

Chính vì thế hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công tác trọng tâm, không thể thiếu được trong các doanh nghiệp xây dựng cơ bản nói riêng và các ngành sản xuất kinh doanh nói chung. Công tác hạch toán này đòi hỏi các kế toán viên phải tập hợp đầy đủ, kịp thời và hợp lý chi phí đã sử dụng trong quá trình sản xuất, từ đó tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời nhằm cung cấp thông tin kinh tế xác thực cho việc quản lý chi phí sản xuất, giá thành của nhà quản trị doanh nghiệp xây lắp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian nghiên cứu và học tập tại trường và thực tập tại công ty Cổ phần Xây Dựng Bạch Đằng 234, em đã chọn đề tài “ *Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây Dựng Bạch Đằng 234*”. Mục đích của đề tài này là vận dụng những kiến thức đã học về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành vào thực tế tại công ty. Trên cơ sở đó rút ra những ưu điểm, tồn tại nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty.

Nội dung của luận văn tốt nghiệp ngoài “Lời nói đầu” và “Kết luận” bao gồm 3 chương sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây dựng.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần Xây Dựng Bạch Đằng 234.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây Dựng Bạch Đằng 234.

Do kiến thức và trình độ bản thân còn hạn chế nên luận văn của em không tránh khỏi thiếu sót . Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô cũng như các cô chú trong phòng kế toán công ty để khoá luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Th.S Phạm Văn Tường và các cô chú, anh chị phòng kế toán công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG****1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ
SẢN PHẨM XÂY LẮP****1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành.**

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất quan trọng không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân. Xây dựng cơ bản là quá trình xây dựng mới, xây dựng lại, cải tạo, hiện đại hoá, khôi phục các công trình nhà máy, xí nghiệp, đường xá, cầu cống, nhà cửa... nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống xã hội. Nó có vai trò tạo ra cơ sở vật chất chủ yếu, tăng tiềm lực kinh tế và tiềm lực quốc phòng của nền kinh tế .

Đầu tư xây dựng cơ bản là một khâu không thể thiếu trong bất kỳ hoạt động kinh doanh nào, loại hình doanh nghiệp nào. Trong giá trị sản phẩm của các ngành, chi phí xây dựng chiếm một tỷ trọng nhất định nên hoạt động của ngành xây dựng cơ bản có ảnh hưởng đến hạ giá thành và tăng thu nhập quốc dân. Hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ với một số ngành sản xuất kinh doanh khác và gắn liền với việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Do vậy sự phát triển của hoạt động xây dựng cơ bản sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của một số ngành sản xuất khác, đồng thời cũng thúc đẩy sự đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.1.1. Đặc điểm của sản phẩm xây lắp

- Sản phẩm sản xuất xây lắp không có sản phẩm nào giống sản phẩm nào. Mọi sản phẩm có yêu cầu về mặt thiết kế mỹ thuật, kết cấu, hình thức, địa điểm xây dựng khác nhau. Chính vì vậy, mọi sản phẩm xây lắp đều có yêu cầu về mặt quản lý, tổ chức thi công và biện pháp thi công riêng biệt phù hợp với đặc điểm từng công trình cụ thể, có như vậy việc sản xuất thi công mới mang lại hiệu quả cao và bảo đảm cho sản xuất được liên tục.

- Sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công kéo dài và phân tán. Mặt khác, có rất nhiều phương thức kỹ thuật thi công khác nhau dẫn đến giá trị công trình khác nhau. Ngay cả khi công trình thi công theo cùng mẫu thiết kế nhưng được xây dựng ở nhiều địa điểm khác nhau thì giá trị công trình cũng khác nhau. Vì vậy đòi hỏi việc quản lý và hạch toán giá thành sản phẩm xây lắp nhất thiết phải lập dự toán, theo dõi quá trình sản xuất thi công phải chặt chẽ, đảm bảo sử dụng vốn tiết kiệm, bảo đảm chất lượng thi công công trình, quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp phải luôn so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí dự toán.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán, theo giá thỏa thuận giữa bên nhận thầu và bên giao thầu (chủ đầu tư) từ trước. Do đó tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp không được thể hiện rõ và lợi nhuận trong doanh nghiệp xây lắp chủ yếu phụ thuộc vào việc tiết kiệm hợp lý, hạ giá thành sản phẩm.

- Sản phẩm xây lắp có thời gian sử dụng lâu dài nên mọi sai lầm trong quá trình thi công thường khó sửa chữa, phải phá đi làm lại. Sai lầm trong xây dựng cơ bản vừa gây lãng phí, vừa để lại hậu quả có khi rất nghiêm trọng, lâu dài và khó khắc phục. Do vậy đòi hỏi chất lượng công trình phải đảm bảo và có tính thẩm mỹ cao. Do đặc điểm này mà trong quá trình thi công cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.

- Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp của từng công trình. Quá trình thi công thường được chia làm nhiều giai đoạn, công việc khác nhau và các công việc diễn ra ngoài trời chịu ảnh hưởng nhiều của thời tiết tự nhiên, nên cần phải có sự quản lý tổ chức, giám sát chặt chẽ sao cho công trình hoàn thành đúng tiến độ quy định mà vẫn đảm bảo được chất lượng yêu cầu.

1.1.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- Do sản phẩm có tính chất đơn chiếc và được sản xuất theo đơn đặt hàng,

nên chi phí bỏ vào sản xuất thi công cũng hoàn toàn khác nhau giữa các công trình. Việc tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành và xác định kết quả thi công xây lắp cũng được tính cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt.

- Xây dựng cơ bản có tính lưu động cao theo lãnh thổ nên việc tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp phổ biến theo phương pháp khoán gọn công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp. Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vì thế cũng được tổ chức theo hình thức khoán. Các đơn vị nội bộ tùy theo mức độ khoán có thể tập hợp chi phí rồi gửi kết quả về công ty hoặc chỉ làm nhiệm vụ thu thập chứng từ gốc ban đầu, toàn bộ công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ được thực hiện tại phòng kế toán công ty.

- Quá trình sản xuất diễn ra trên phạm vi lớn với số lượng công nhân và vật liệu lớn đòi hỏi công tác tổ chức xây lắp phải được sắp xếp hợp lý, có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các bộ phận và các giai đoạn công việc. Khi công trình xây dựng cơ bản hoàn thành công nhân phải chuyển đến thi công ở một công trình khác. Do đó sẽ phát sinh các chi phí như điều động công nhân, máy móc thi công, chi phí về xây dựng các công trình tạm thời cho công nhân và cho máy móc thi công. Vì thế mà các đơn vị xây lắp thường sử dụng lực lượng lao động thuê người tại chỗ nơi thi công công trường để giảm bớt chi phí khi di dời.

Như vậy, những điểm trên đã phần nào ảnh hưởng và chi phối đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp từ đó dẫn đến những khác biệt trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

1.1.2. Yêu cầu đối với công tác quản lý và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp

- Chi phí phát sinh trong hoạt động xây dựng cơ bản thường rất lớn và đa dạng. Vì vậy trong công tác kế toán chi phí cần phải theo dõi chặt chẽ sự phát sinh của các loại chi phí và việc phản ánh các chi phí này đúng và đủ vào các tài khoản thích hợp.

- Đối với sản phẩm xây lắp trước khi thi công phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán tổ chức) trong quá trình thực hiện phải thường xuyên đối chiếu với chi phí phát sinh so với dự toán để có những điều chỉnh kịp thời khi phát hiện sai lệch.

- Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động xây dựng cơ bản chủ yếu diễn ra các phương pháp đấu thầu và giao thầu. Vì vậy để có thể trúng thầu và thi công công trình, doanh nghiệp phải xây dựng giá thầu hợp lý cho công trình trên cơ sở những định mức, đơn giá xây dựng cơ bản mà Nhà nước đã ban hành trên cơ sở giá trị trường và khả năng của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo có lãi. Để thực hiện được điều này, doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý, đặc biệt là quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp càng trở nên gay gắt, giảm giá bán sản phẩm luôn là điều kiện để doanh nghiệp có thể tồn tại hay không. Cơ sở để xác định giá bán là giá thành sản phẩm, giá thành sản phẩm còn là cơ sở phân tích chi phí, hạch toán kinh tế nội bộ. Việc xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp là hết sức cần thiết.

Nhiệm vụ đặt ra đối với kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm như sau:

- Xác định đối tượng thực hiện chi phí và tính giá thành hợp lý;
- Xác định phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp;
- Phản ánh kịp thời, chính xác và đầy đủ toàn bộ chi phí thực tế phát sinh cho từng đối tượng;
- Kiểm tra và phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại mất mát hư hỏng...trong sản xuất để có biện pháp kịp thời;
- Tổ chức thực hiện và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng thực hiện chi phí, xác định đúng giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ;

- Lựa chọn phương pháp tính giá thành hợp lý, tính đúng các khoản mục chi phí theo đúng quy định và kỳ tính giá thành xác định;

- Đề ra các phương pháp và biện pháp hữu hiệu nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.2.1. Chi phí sản xuất và cách phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1.1. *Khái niệm chi phí sản xuất.*

Chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình xây lắp và cấu thành nên giá thành xây lắp (với khối lượng xây lắp đã hoàn thành). Trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá và cơ chế hạch toán kinh doanh, mọi chi phí trên đều được thể hiện bằng tiền, trong đó chi phí về tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn là biểu hiện bằng tiền của hao phí lao động sống, còn chi phí khấu hao tài sản cố định, nguyên nhiên vật liệu là biểu hiện bằng tiền của hao phí lao động vật hoá.

1.2.1.2. *Các cách phân loại chi phí sản xuất*

Như trên đã nêu, chi phí sản xuất của các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp bao gồm nhiều loại có nội dung khác nhau, vì vậy, để phục vụ cho công tác quản lý chi phí sản xuất và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, có thể tiến hành phân loại theo các tiêu thức khác nhau. Việc hạch toán chi phí theo từng loại tiêu thức sẽ nâng cao tính chi tiết của thông tin, là cơ sở cho việc phấn đấu giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng cường hạch toán kinh tế trong các đơn vị xây dựng. Thông thường chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được phân loại theo các tiêu thức sau:

a/ Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế (theo yếu tố của chi phí)

Theo cách phân loại này, các chi phí có cùng nội dung kinh tế được xếp chung vào cùng một yếu tố, không xét đến nơi phát sinh chi phí hoặc mục đích sử dụng của chi phí trong quá trình sản xuất. Đối với doanh nghiệp xây lắp bao

gồm các yếu tố chi phí sau:

- Nguyên liệu, vật liệu bao gồm: vật liệu chính như xi măng, sắt thép... vật liệu phụ như đinh, búa, xẻng... và công cụ dụng cụ như quần áo bảo hộ lao động... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (loại trừ giá trị dùng không hết và phế liệu thu hồi)

- Nhiên liệu (động lực): Giá trị nhiên liệu bên ngoài dùng cho sản xuất kinh doanh

- Tiền lương phải trả cho nhân viên và các khoản phụ cấp mang tính chất lương

- Các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trích theo tỷ lệ quy định

- Chi phí khấu hao tài sản cố định là khoản chi phí tính cho hao mòn của các loại tài sản cố định như: nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thi công, máy móc vận chuyển và các tài sản cố định dùng trong quản lý...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là số tiền phải trả cho dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất ngoài các yếu tố chi phí nói trên.

b/ Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh)

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế và theo công dụng kinh tế có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong việc phục vụ cho công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Theo quy định hiện nay thì chi phí sản xuất sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp gồm bốn khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : là tất cả những chi phí về nguyên liệu, vật liệu chính, phụ hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp và giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp (không kể vật liệu dùng cho máy móc thi công và hoạt động sản xuất chung của doanh nghiệp).

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương, tiền công và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân phục vụ xây lắp, kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

- Chi phí về sử dụng máy thi công: Là chi phí sử dụng máy để hoàn thành sản phẩm xây lắp gồm: chi phí khấu hao máy thi công, chi phí nhiên liệu, động lực, tiền lương của công nhân điều khiển máy và chi phí khác phục vụ máy thi công.

- Chi phí sản xuất chung: Là chi phí dùng vào việc quản lý và phục vụ bộ máy quản lý, tổ đội, các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN... ; chi phí về công cụ, dụng cụ dùng cho quản lý, dụng cụ bảo hộ lao động; chi phí dịch vụ mua ngoài như chi về điện nước, điện thoại; các khoản chi bằng tiền khác.

Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức; là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục.

c/ Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí

Theo cách phân loại này chi phí phân làm hai loại .

- Chi phí trực tiếp là những chi phí có liên quan trực tiếp với quá trình sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định bao gồm nguyên vật liệu xây dựng , tiền lương chính của công nhân sản xuất, khấu hao máy móc thiết bị thi công.

- Chi phí gián tiếp là những chi phí có liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc. Kết cấu của chi phí gián tiếp cũng tương tự như chi phí trực tiếp nhưng những chi phí này phát sinh ở bộ phận quản lý đội, phân xưởng sản xuất của đơn vị xây lắp, vì vậy kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng có liên quan theo một tiêu thức thích hợp.

d/ Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí và khối lượng sản phẩm hoàn thành

Theo cách này, chi phí được phân thành ba loại:

- Biến phí: là những khoản chi phí thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về mức độ hoạt động của doanh nghiệp.

- Định phí: là những khoản chi phí cố định khi khối lượng công việc hoàn thành thay đổi.

- Chi phí hỗn hợp: là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố biến phí và định phí.

1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.2.1. Khái niệm

Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ chi phí sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí trực tiếp khác tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành đến giai đoạn quy ước, đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và chấp nhận thanh toán.

Giá thành sản phẩm xây lắp là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Sử dụng chi phí hợp lý, hạ giá thành tới mức tối đa là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp tăng khả năng trúng thầu, tạo việc làm và tăng thu thập cho cán bộ công nhân viên, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

Để giúp cho việc quản lý tốt giá thành sản phẩm xây lắp, kế toán cần phân biệt các loại giá thành khác nhau.

a) Căn cứ vào thời điểm tính giá thành và ý nghĩa đối với công tác quản lý:

** Giá thành dự toán*

Là tổng các chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng xây lắp. Giá dự toán được xác định bằng giá trị dự toán thông qua hợp đồng giữa bên giao thầu và bên nhận thầu trên cơ sở định mức theo thiết kế được duyệt và khung giá

quy định đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng vào từng vùng lãnh thổ, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành.

Giá thành dự toán = Giá trị dự toán - Lợi nhuận định mức

Trong đó:

- Giá trị dự toán bằng khối lượng công tác xây lắp theo định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước quy định nhân với đơn giá xây lắp do Nhà nước ban hành theo từng khu vực thi công và các chi phí khác theo định mức.

- Lợi nhuận định mức là chỉ tiêu Nhà nước quy định để tích lũy cho xã hội do ngành xây dựng cơ bản tạo ra.

* *Giá thành kế hoạch*

Giá thành kế hoạch là giá thành được xây dựng trên cơ sở những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp về các định mức, đơn giá, biện pháp tổ chức thi công. Giá thành kế hoạch thường nhỏ hơn giá thành dự toán xây lắp ở mức hạ giá thành kế hoạch.

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán - Mức hạ giá thành kế hoạch

* *Giá thành thực tế*

Giá thành thực tế là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành sản phẩm xây lắp. Giá thành thực tế được xây dựng trên cơ sở số liệu kế toán về chi phí sản xuất đã tập hợp được cho sản phẩm xây lắp thực hiện trong kỳ. Đây là chỉ tiêu tổng hợp, phản ánh kết quả phân đầu của doanh nghiệp trong việc tiết kiệm các loại chi phí, xác định kết quả sản xuất trong kỳ.

Việc nghiên cứu giá thành xây lắp có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý giá thành. Thông qua kết cấu về giá thành ta sẽ thấy được tình hình chi phí của doanh nghiệp cũng như sự biến động của các khoản chi phí để có phương hướng, biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành. Đồng thời qua nghiên cứu kết cấu giá thành xây lắp của từng công trình, hạng mục công trình ta sẽ thấy được ưu, nhược điểm của quá trình thi công và quản lý giá thành để rút ra kinh nghiệm cải tiến phương pháp sản xuất và quản lý thi công.

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công đòi hỏi phải so sánh các loại giá thành trên với nhau nhưng phải đảm bảo tính thống nhất về thời điểm

và cách tính trong quá trình so sánh và so sánh này phải thực hiện trên cùng một đối tượng xây lắp. Giữa ba loại giá thành này thường có mối quan hệ về mặt lượng như sau:

$$\text{Giá thành dự toán} \geq \text{Giá thành kế hoạch} \geq \text{Giá thành thực tế}$$

So sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch cho thấy mức độ hạ giá thành của doanh nghiệp.

So sánh giá thành thực tế với giá thành dự toán phản ánh chỉ tiêu tích lũy của doanh nghiệp, từ đó có thể dự định khả năng của doanh nghiệp trong năm tới.

So sánh giá thành thực tế với giá thành định mức cho thấy mức độ hoàn thành định mức đã đề ra của doanh nghiệp đối với từng khối lượng xây lắp cụ thể.

b) Căn cứ vào phạm vi tính giá thành.

**Giá thành khối lượng xây lắp hoàn chỉnh*

Là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đảm bảo kỹ thuật, chất lượng, đúng thiết kế và hợp đồng đã ký kết bàn giao, được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán. Chỉ tiêu này cho phép ta đánh giá được một cách chính xác và toàn diện hiệu quả sản xuất thi công trọn vẹn một công trình.

** Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước*

Là giá thành của khối lượng công tác đảm bảo thỏa mãn các điều kiện : phải nằm trong thiết kế, đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý, đảm bảo chất lượng kỹ thuật được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán. Chỉ tiêu này giúp nhà quản lý đánh giá kịp thời chi phí phát sinh và điều chỉnh thích hợp cho giai đoạn sau.

1.2.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm xây lắp	=	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	+	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	-	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ
----------------------------	---	---------------------------------	---	-------------------------------------	---	----------------------------------

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp có mối quan hệ biện chứng với nhau trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm.

Về bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong quá trình thi công xây lắp. Nếu đối tượng xây lắp được khởi công và hoàn thành trong cùng một kỳ thì giá thành sản phẩm xây lắp chính bằng tổng chi phí thực tế trong kỳ. Tuy nhiên chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp cũng có những đặc điểm riêng biệt khác nhau.

- Về chất: chi phí thể hiện hao phí sản xuất còn giá thành thể hiện kết quả sản xuất. Chi phí sản xuất phản ánh hao phí trong một thời kỳ nhất định còn giá thành sản phẩm phản ánh những hao phí liên quan đến công việc hoàn thành được bàn giao nghiệm thu.

- Về lượng: giá thành sản phẩm không bao gồm chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, các khoản chi phí đã chi ra chờ phân bổ kỳ sau, chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên lại gồm chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước trong kỳ và chi phí sản xuất trong kỳ trước được phân bổ cho kỳ sau.

Mặc dù có sự khác nhau nhưng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tài liệu để hạch toán chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm. Việc tổng hợp chi phí sản xuất sẽ quyết định đến tính chính xác của việc tính giá thành. Ngược lại, căn cứ vào việc tính giá thành sẽ xác định được tình hình chi phí sản xuất trong kỳ là tiết kiệm hay lãng phí.

1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1.1. Đối tượng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn để tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh. Để xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cần căn cứ vào các yếu tố sau:

- Địa điểm phát sinh chi phí và công dụng của chi phí trong sản xuất;
- Tính chất sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm;
- Loại hình sản xuất: sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt;
- Đặc điểm sản xuất: có hay không có bộ phận công trường, tổ đội thi công;
- Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp xây lắp do những đặc điểm của sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc, đặc trưng kỹ thuật thi công, tổ chức sản xuất phức tạp và quá trình thi công chia làm nhiều giai đoạn nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình, hạng mục công trình hay theo từng đơn đặt hàng .

1.3.1.2. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là cách thức mà kế toán sử dụng để tập hợp, phân loại các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong một kì theo các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định và mở sổ chi tiết một cách phù hợp.

Doanh nghiệp xây lắp chủ yếu có ba phương pháp kế toán chi phí sản xuất sau:

- Phương pháp kế toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình: phương pháp này được áp dụng khi đối tượng hạch toán chi phí là công trình, hạng mục công trình. Hàng tháng, chi phí sản xuất phát sinh cho công trình nào được tập hợp và phân bổ cho công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Phương pháp kế toán chi phí theo đơn đặt hàng: các chi phí phát sinh theo đơn đặt hàng nào được tập hợp và phân bổ theo đơn đặt hàng đó. Tổng chi phí phát sinh theo đơn kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- Phương pháp kế toán chi phí theo khối lượng công việc hoàn thành: toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp cho đối tượng chịu chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng công việc xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công việc xây lắp đó.

1.3.1.3. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất

a/ Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán

- Hoá đơn GTGT (trong trường hợp nguyên vật liệu không qua kho mà chuyển thẳng đến chân công trình)

- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng làm khoán
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng trích khấu hao, bảng phân bổ khấu hao
- Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

b/ Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Khi hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp kế toán thường sử dụng các tài khoản sau:

- TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công
- TK 627: Chi phí sản xuất chung
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Và các tài khoản khác có liên quan được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

c/ Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Có 4 hình thức sổ kế toán:

- Hình thức kế toán Nhật Ký Chung
- Hình thức kế toán Nhật Ký- Sổ Cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Đối với hình thức Nhật ký chung (hình thức kế toán công ty áp dụng) kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sử dụng các loại sổ sau:

- Sổ Nhật ký chung: phản ánh tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian.

- Sổ Cái tài khoản: phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản đó tập hợp cho tất cả các công trình.

- Sổ chi tiết tài khoản: phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản chi tiết theo công trình.

1.3.2. Tổ chức quá trình kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp bao gồm giá thực tế toàn bộ vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp từng công trình, hạng mục công trình. Nó không bao gồm giá trị vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và vật liệu sử dụng cho quản lý đội công trình. Chi phí vật liệu trực tiếp còn bao gồm cả các chi phí cốt pha, dàn giáo, công cụ, dụng cụ được sử dụng nhiều lần.

Việc tập hợp chi phí sản xuất nguyên vật liệu trực tiếp vào đối tượng có thể tiến hành theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.

Phương pháp trực tiếp được áp dụng cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất (từng phân xưởng, bộ phận, công trình, hạng mục công trình). Vật liệu sử dụng cho công trình nào thì phải tính trực tiếp cho công trình đó.

Phương pháp gián tiếp được áp dụng trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau. Để phân bổ cho nhiều đối tượng cần phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý.

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số liệu thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

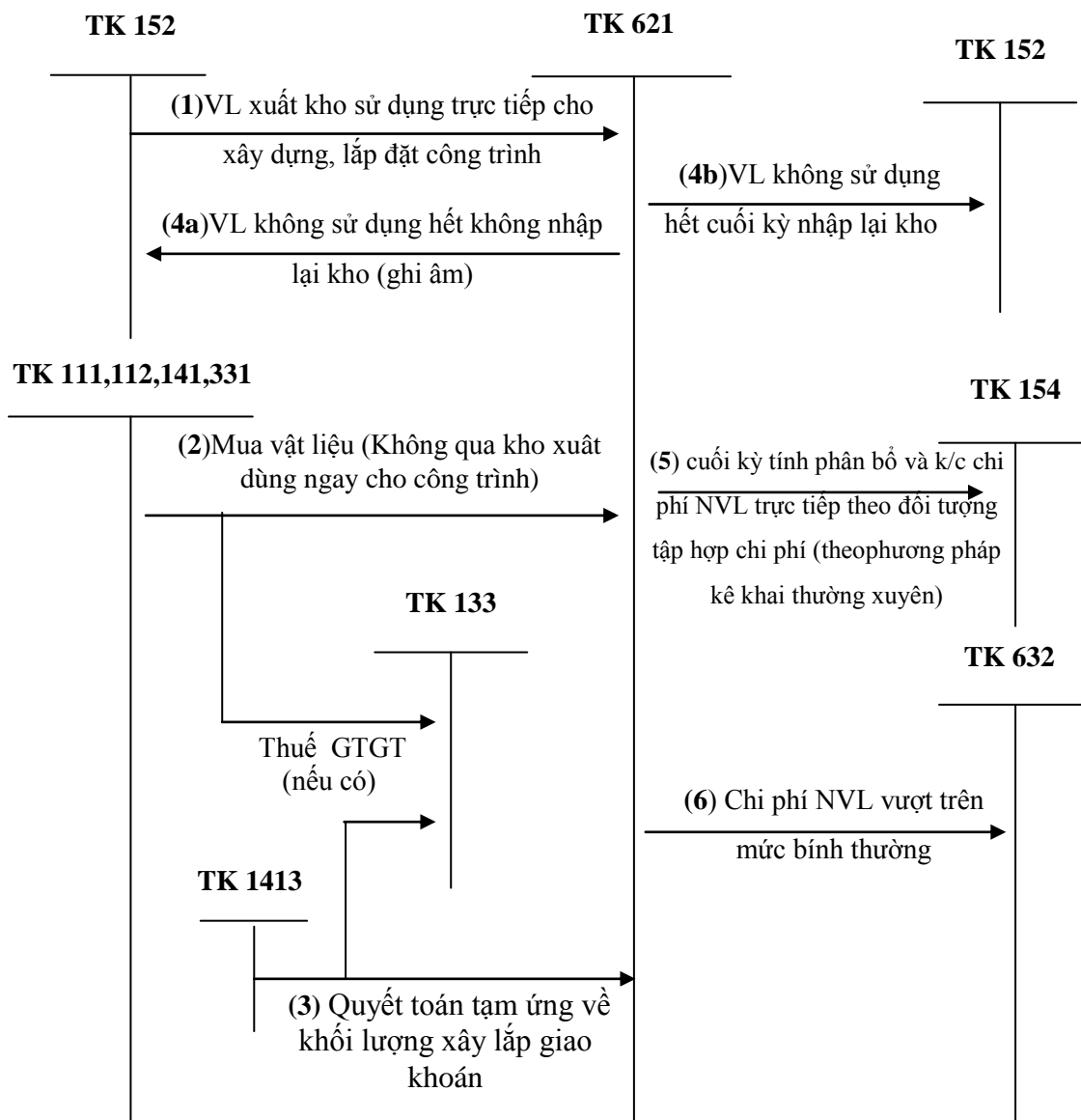
- Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”.

- Trình tự kế toán:

Việc hạch toán các nghiệp vụ tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1. Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ lao vụ trong doanh nghiệp xây lắp. Chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất xây lắp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài

theo từng loại công việc.

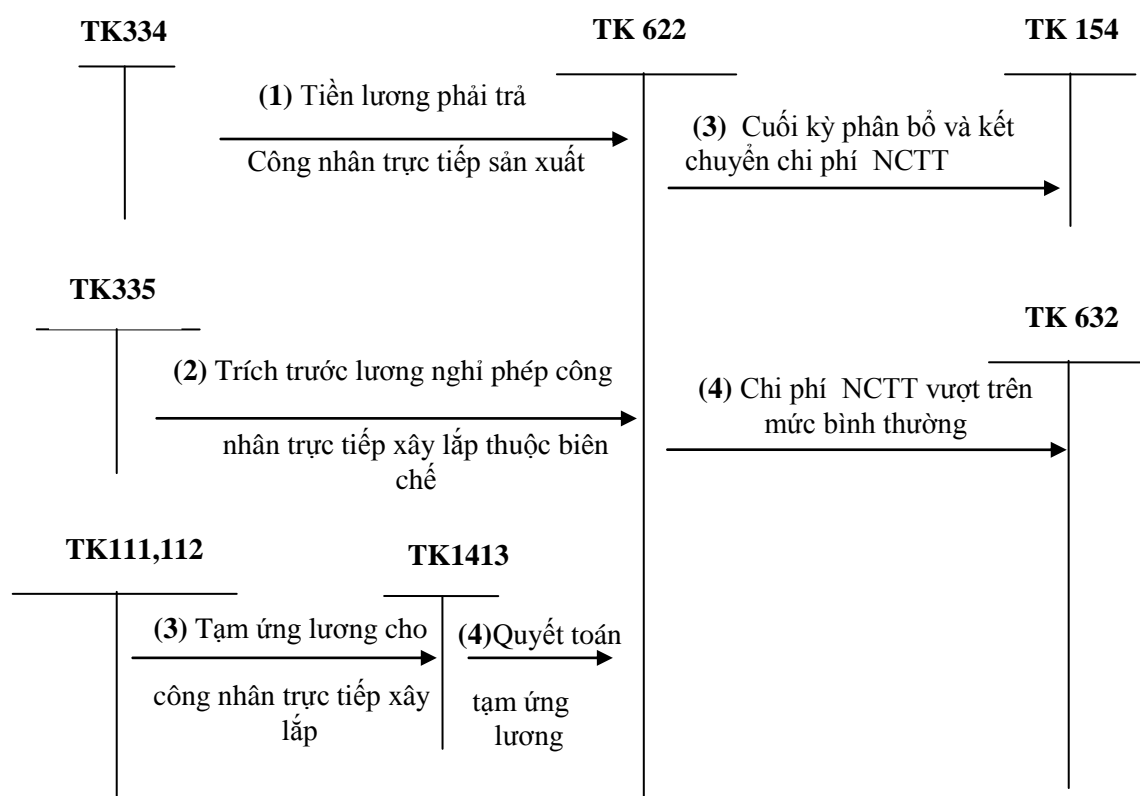
Trong khoản mục chi nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, tiền lương công nhân vận chuyển ngoài cự ly thi công, không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên quỹ lương công nhân trực tiếp sản xuất.

- Tài khoản sử dụng:

Phản ánh chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản 622 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Trình tự kế toán

Sơ đồ 1.2. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp



1.3.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Máy móc thi công trong doanh nghiệp xây lắp là các loại máy phục vụ trực tiếp cho sản xuất xây lắp như: máy trộn bê tông, trộn vữa, cần trục, cần cẩu, xúc đất, xan nền... Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về sử dụng máy

để hoàn thành khối lượng xây lắp bao gồm: chi phí khấu hao cơ bản, chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ, động lực, tiền lương thợ điều khiển máy và các chi phí khác của đội máy thi công.

Việc hạch toán chi phí máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công, có thể tổ chức đội máy thi công chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy cho các đối tượng xây lắp hoặc thuê ngoài thi công.

▪ Tài khoản sử dụng:

Để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) của công nhân sử dụng máy thi công.

TK 623 có 6 TK cấp 2:

- TK 6231: “Chi phí nhân công”
- TK 6232: “Chi phí vật liệu”
- TK 6233: “Chi phí dụng cụ”
- TK 6234: “Chi phí khấu hao máy thi công”
- TK 6237: “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6238: “Chi phí bằng tiền khác”

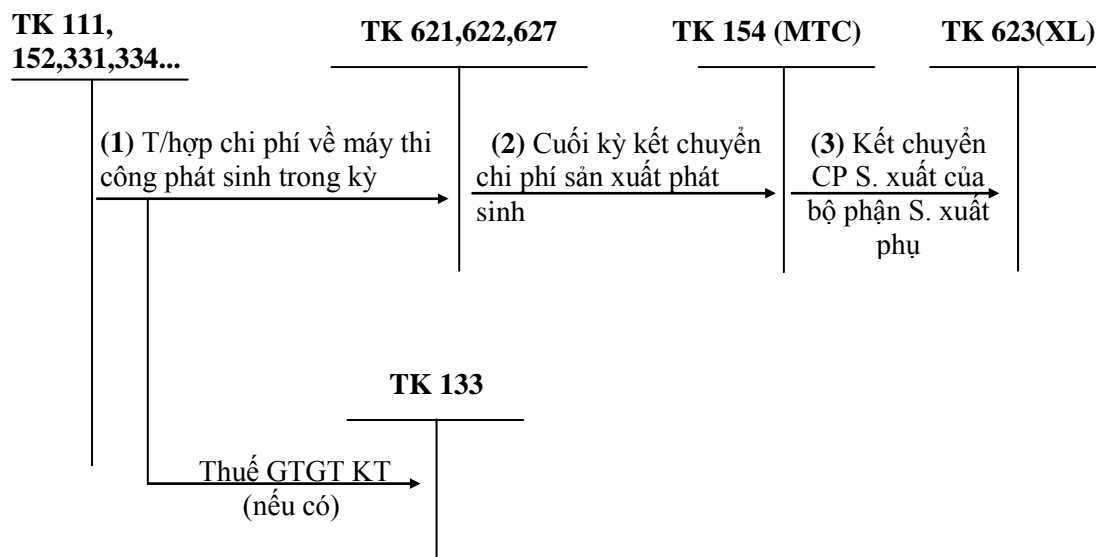
Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

▪ Trình tự kế toán:

- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung chứ không phản ánh vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó các

khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho các đội xây lắp.

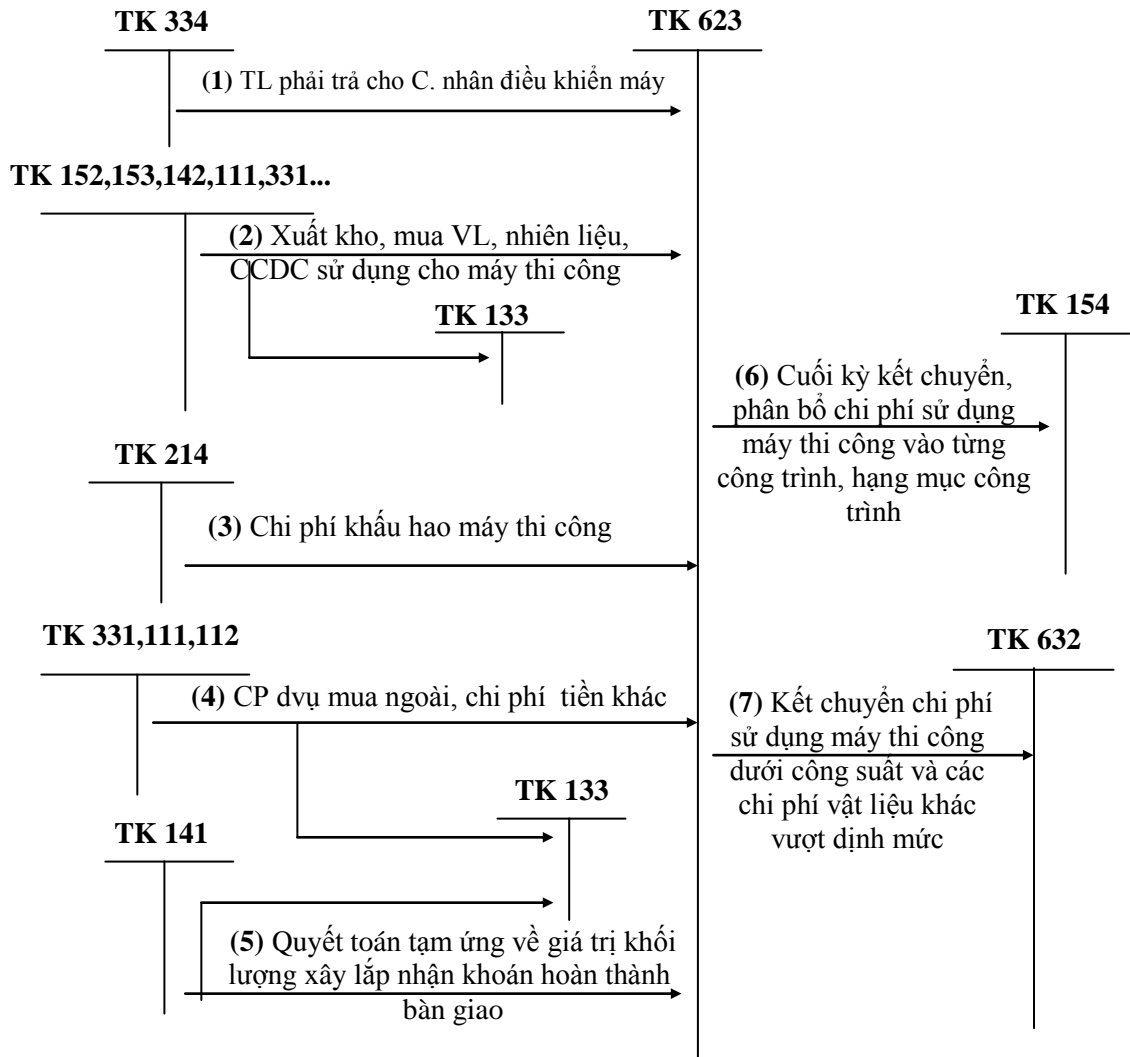
Sơ đồ 1.3. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp đội máy thi công có tổ chức hạch toán kế toán riêng)



- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức các đội máy thi công riêng biệt nhưng không tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình.

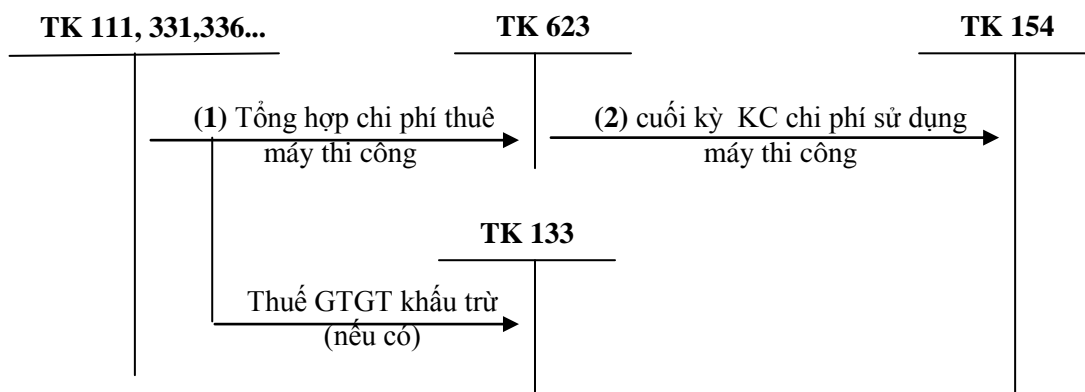
Sơ đồ 1.4. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công

(Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng)



- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công (hoặc có tổ chức kế toán riêng ở đội máy thi công – thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy thi công cho các đơn vị xây lắp) thì doanh nghiệp không theo dõi chi phí phát sinh thực tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao.

Sơ đồ 1.5. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài máy thi công)



1.3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Chi phí này bao gồm tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế của doanh nghiệp) theo tỷ lệ quy định và các chi phí khác phục vụ hoạt động của đội xây lắp. Khi phát sinh chi phí này, kế toán sẽ hạch toán vào TK 627 – chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho từng đối tượng theo phương pháp gián tiếp.

- Tài khoản sử dụng:

Phản ánh chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung.

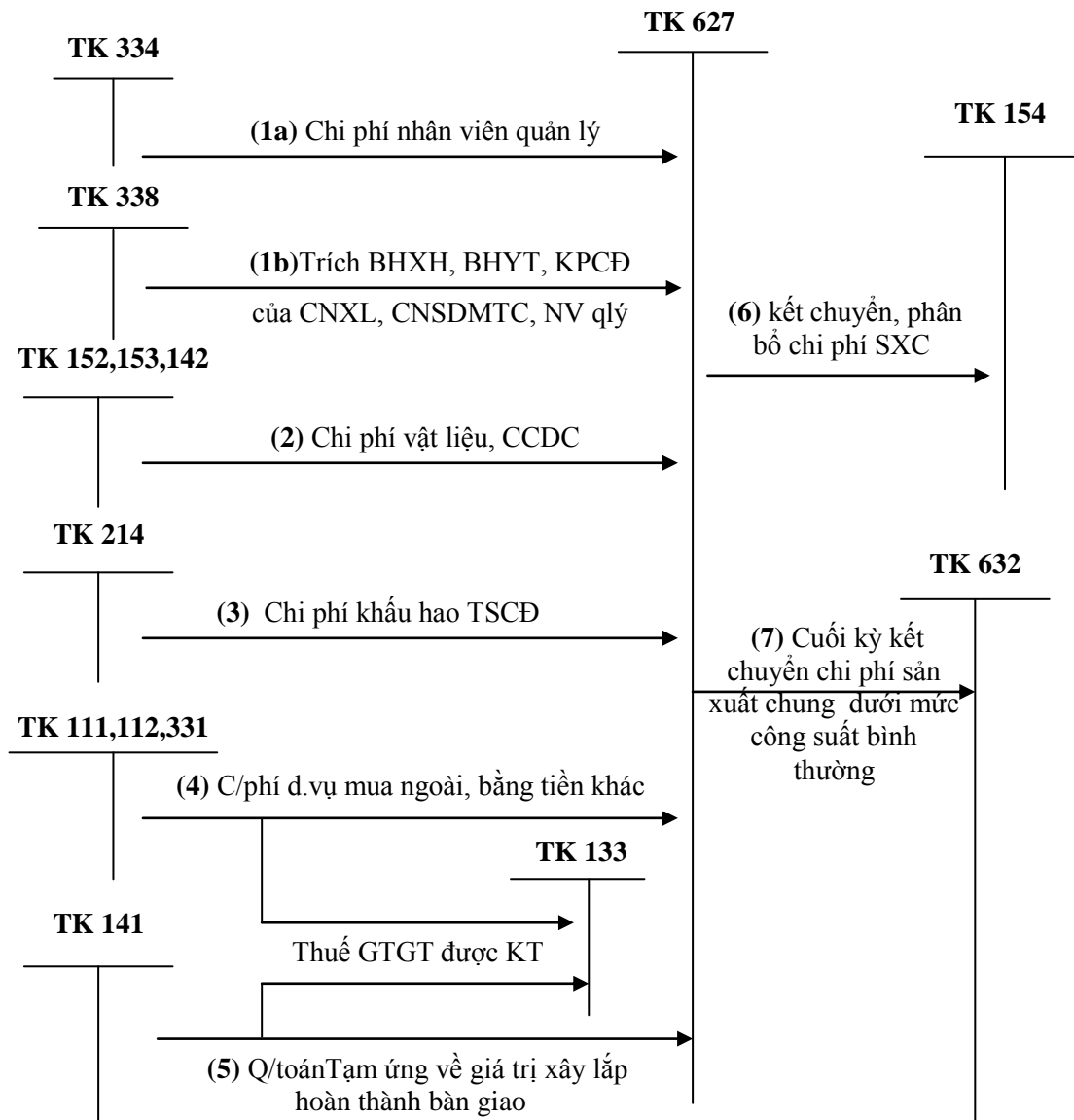
TK 627 có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 6271: “Chi phí nhân viên Đội sản xuất”
- TK 6272: “Chi phí vật liệu”
- TK 6273: “Chi phí dụng cụ sản xuất”
- TK 6274: “Chi phí khấu hao tài sản cố định”
- TK 6277: “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6278: “Chi phí bằng tiền khác”

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Trình tự kế toán:

Sơ đồ 1.6. Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung



1.3.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm những chi phí có liên quan đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được tập hợp vào bên nợ các TK 621, 622, 623, 627. Để tính được giá thành sản phẩm cho từng đối tượng, kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí đối với các chi phí đã tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng, còn đối với các chi phí không tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng kế toán phải tính phân bổ các chi phí này cho

từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp.

* *Phân bổ chi phí sản xuất chung:*

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng công trường hoặc đội thi công và tính phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo phương pháp thích hợp. Tiêu chuẩn để phân bổ chi phí sản xuất chung thường được sử dụng có thể là: phân bổ theo chi phí sản xuất định mức, phân bổ theo giờ công sản xuất kinh doanh định mức hoặc thực tế, phân bổ theo ca máy thi công, nhân công trực tiếp.

$$\text{Chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} \times \text{Tiêu thức phân bổ cho từng đối tượng}$$

Để tiến hành tính giá thành các chi phí được kết chuyển hoặc được phân bổ vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Giá thành công tác xây lắp trong kỳ được xác định theo công thức:

$$\text{Giá thành sản phẩm xây lắp} = \frac{\text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ}}{\text{đầu kỳ}} + \frac{\text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ}}{\text{trong kỳ}} - \frac{\text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ}}{\text{cuối kỳ}}$$

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 154 có 4 tài khoản cấp 2:

TK 1541 – xây lắp

TK 1542 – sản phẩm khác

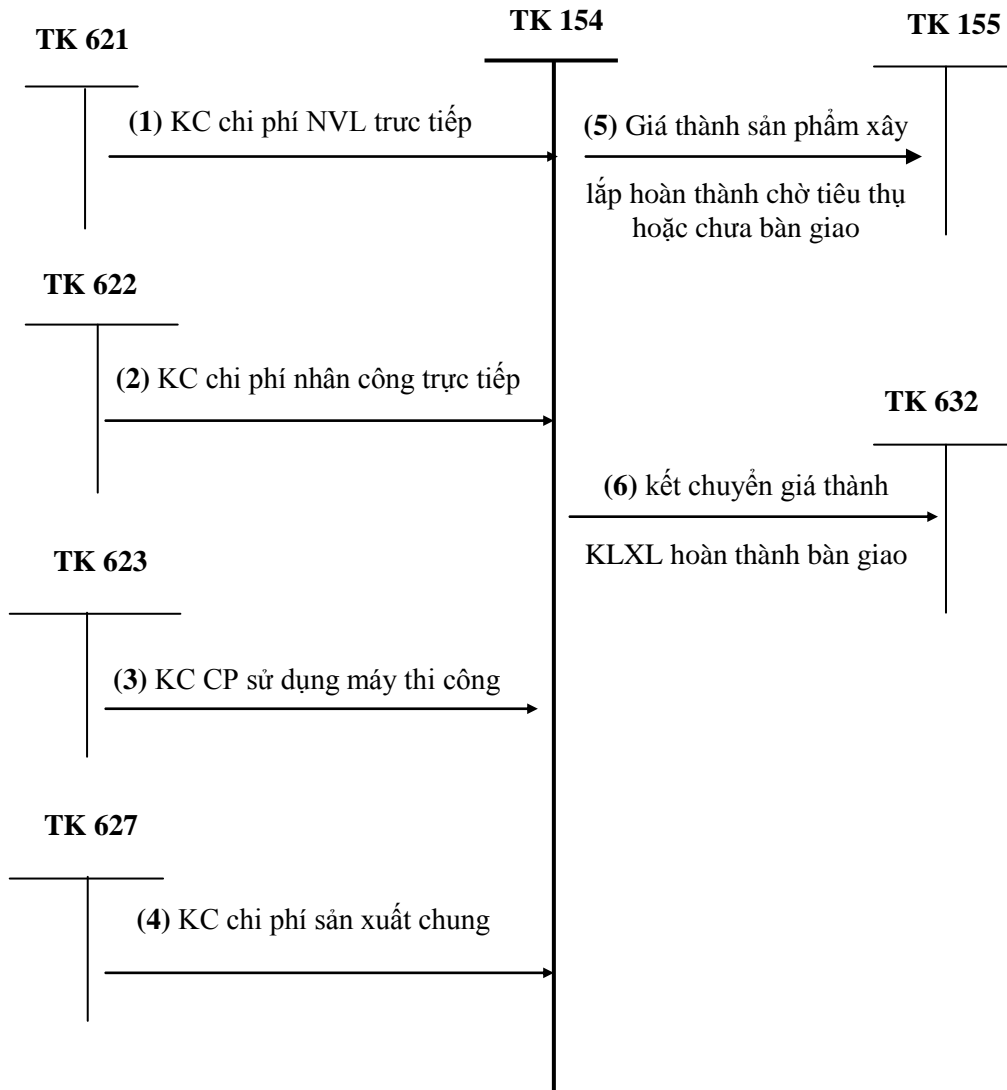
TK 1543 – dịch vụ

TK 1544 – chi phí bảo hành xây lắp

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Trình tự kế toán:

**Sơ đồ 1.7. Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất
(theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



1.3.4. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm làm dở trong các doanh nghiệp xây dựng là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công tác xây lắp dở dang trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

Muốn đánh giá sản phẩm làm dở một cách chính xác trước hết phải kiểm kê chính xác khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ, đồng thời phải xác định đúng mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm so với khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy ước ở từng giai đoạn thi công để xác định được khối lượng xây lắp dở dang, phát hiện những tổn thất trong quá trình thi công.

Chất lượng của công tác kiểm kê, khối lượng xây lắp dở dang có ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của việc đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành.

Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng một trong các phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở sau :

1.3.4.1. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán

Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	=	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ	+	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp trong kỳ	x	Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyên theo dự toán
		Khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán	+	Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán		

1.3.4.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo tỷ lệ hoàn thành tương đương

Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	=	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ	+	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ	x	Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyên theo sản lượng hoàn thành tương đương
		Khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán	+	Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính đối theo sản lượng hoàn thành tương đương		

1.3.4.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán

Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ	+	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ	x	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ
=	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ	+	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyên theo sản lượng hoàn thành	x	khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ

Ngoài ra, đối với một số công việc như nâng cấp sửa chữa hoàn thiện hoặc xây dựng các công trình có giá trị nhỏ thời gian thi công ngắn theo hợp đồng bên chủ đầu tư thanh toán khi đã hoàn thành toàn bộ chi phí dở dang cuối kỳ chính là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh từ khi thi công tới thời điểm kiểm kê đánh giá.

1.3.5. Tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp*1.3.5.1. Đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp*

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải được tính giá thành và giá thành đơn vị. Khác với hạch toán chi phí sản xuất, công việc tính giá thành là xác định giá thực tế từng loại sản phẩm và toàn bộ sản phẩm đã được hoàn thành. Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm, bộ phận kế toán giá thành phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất thực tế của doanh nghiệp. Các loại sản phẩm và lao vụ mà doanh nghiệp sản xuất, tính chất sản xuất, và sử dụng của chúng để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

Trong doanh nghiệp xây lắp, đối tượng tính giá thành thường trùng hợp với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đó có thể là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Trên cơ sở đối tượng tính giá thành đã được xác định, căn cứ vào chu kỳ sản xuất sản phẩm và cách tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp xác định kỳ

tính giá thành để đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Kỳ tính giá thành được xác định tùy thuộc vào tính chất sản phẩm cụ thể:

+ Đối với các đơn vị đặt hàng, công việc được coi là hoàn thành thì kỳ tính giá thành bắt đầu từ khi sản xuất theo đơn đặt hàng đến khi hoàn thành đơn đặt hàng đó.

+ Đối với hạng mục công trình xây dựng thì kỳ tính giá thành phụ thuộc vào kỳ thanh toán sản phẩm hoàn thành cho bên giao thầu. Vì vậy, sau khi công trình hoàn thành được nghiệm thu thanh toán mới tính giá thành thực tế của sản phẩm.

+ Đối với công trình lớn, thời gian thi công kéo dài thì chỉ khi nào một bộ phận công trình hoàn thành, có giá trị sử dụng và được bàn giao thanh toán thì mới tính giá thành thực tế sản phẩm.

Như vậy, căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm mà kỳ tính giá thành có thể là thời điểm cuối mỗi tháng, cuối mỗi quý, cuối mỗi năm hoặc là thời điểm kết thúc chu kỳ sản xuất sản phẩm đã hoàn thành...

1.3.5.2. Phương pháp tính giá thành

a/ Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp)

Phương pháp này được áp dụng chủ yếu trong các doanh nghiệp xây dựng. Vì sản phẩm xây lắp đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí cũng là đối tượng tính giá thành, nếu sản phẩm dở dang không đáng kể thì chi phí sản xuất đã được tập hợp được trong kỳ cho mỗi đối tượng tính giá thành là tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp cho công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì:

$$Z = Ddk + C - Dck$$

Trong đó:

Z : Giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Ddk, Dck : Chi phí dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

C : Chi phí phát sinh trong kỳ.

Nếu các công trình, hạng mục công trình có thiết kế khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một đội công trình sản xuất đảm nhiệm và không có điều kiện theo dõi quản lý riêng việc sử dụng các chi phí khác nhau cho từng công trình, hạng mục công trình thì chi phí sản xuất đã tập hợp được trên toàn bộ công trình, hạng mục công trình đều phải được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình. Khi đó, giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình là:

Gdti xH

Trong đó: H : Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế.

$$H = \frac{\Sigma C}{\Sigma Gdt} \times 100\%$$

ΣC : Tổng chi phí thực tế của các công trình, hạng mục công trình

ΣGdt : Tổng dự toán của tất cả các công trình

Gdti : Giá trị dự toán của công trình thứ i

b/ Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu các công trình theo đơn đặt hàng, khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng đã hoàn thành. Chu kỳ sản xuất của mỗi đơn đặt hàng thường dài, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất. Chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành mới tính giá thành. Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này, kế toán giá thành mở cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh được tập hợp lại theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó. Trong trường hợp nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm đó của từng đơn đặt hàng sẽ là chi phí của khối lượng xây lắp dở dang.

c/ Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này thường được áp dụng với các công trình lớn, phức tạp, công trình phải qua nhiều giai đoạn thi công. Theo phương pháp này thì giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình được tính như sau :

$$Z = C_1 + C_2 + C_3 + \dots + C_n + D_{DK} - D_{CK}$$

Trong đó : Z : Giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình.

$C_1 + C_2 + C_3$: Chi phí xây lắp của các giai đoạn.

D_{DK}, D_{CK} : Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ, dở dang cuối kỳ.

d/ Phương pháp tính giá thành theo định mức

Đây là phương pháp giá thành dựa vào định mức tiêu hao về vật tư, lao động, các dự toán về chi phí phục vụ sản xuất, quản lý, khoản chênh lệch do những thay đổi định mức cũng như những chênh lệch trong quá trình so với định mức.

- Theo phương pháp này giá thành thực tế được xác định như sau :

Giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp	=	Giá thành định mức sản phẩm xây lắp	±	Chênh lệch thay đổi định mức	±	Chênh lệch do thoát ly định mức
--	---	-------------------------------------	---	------------------------------	---	---------------------------------

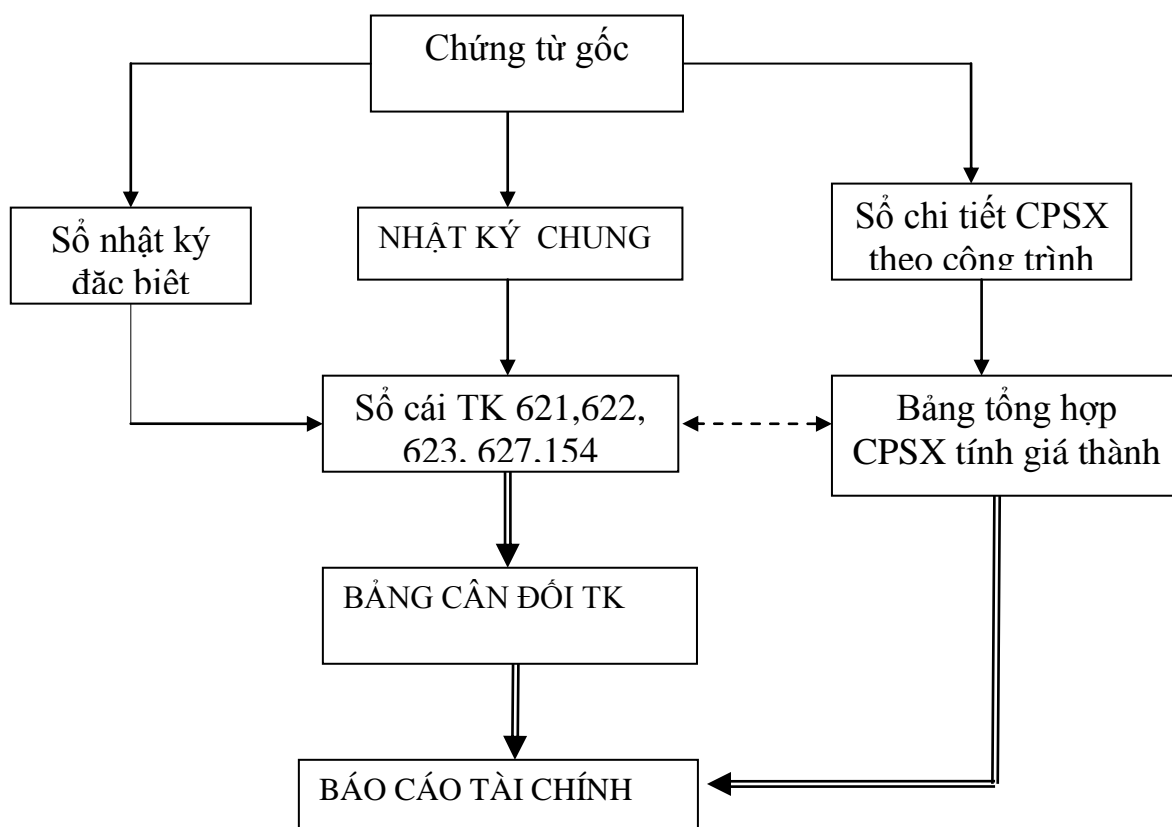
1.4. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN ĐỂ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

Để đảm bảo việc ghi chép được dễ dàng đơn vị cần phải có hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp mình. Việc ghi chép sổ sách kế toán là công việc có khối lượng lớn, thường xuyên, diễn ra hàng ngày, vì vậy cần phải tổ chức sổ một cách khoa học, chặt chẽ. Các doanh nghiệp xây lắp có thể áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau: Nhật Ký Chung, Nhật Ký- Sổ Cái, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký- Chứng từ.

Do Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Sau đây em xin trình bày hình thức Nhật ký chung.

- Hình thức Nhật Ký Chung: Với đặc trưng là nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế của các nghiệp vụ, sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo từng tài khoản. Hệ thống sổ của hình thức này sử dụng cho phân hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gồm có: sổ Nhật ký chung, Sổ Cái các TK 621,622,623,627,154.... Sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết thanh toán, sổ chi tiết nguyên vật liệu, sổ tài sản cố định, sổ lương của doanh nghiệp....

Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)
- ←-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234****2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 trực thuộc Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng được cổ phần từ Công ty Xây dựng 234 theo quyết định 69/QĐ-BXD ngày 12/01/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Hiện nay, phần vốn nhà nước tại công ty chiếm 51% vốn điều lệ do Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng quản lý phần vốn nhà nước.

Tiền thân công ty xây dựng Bạch Đằng 234 là Xí nghiệp Mộc và xây dựng trực thuộc công ty xây dựng số 16 (nay là Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng). Ngày 5/7/1993 công ty Xây dựng số 16 ra quyết định số 55 về hợp nhất hai đơn vị là Xí nghiệp mộc - xây dựng và Đội xây dựng 205 thành một xí nghiệp lấy tên là Xí nghiệp xây dựng và trang trí nội thất.

Năm 1998, Bộ xây dựng quyết định đổi tên Xí nghiệp xây dựng và trang trí nội thất thành công ty Xây dựng Bạch Đằng 234 theo quyết định số 85/BXD – TCLD của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Năm 2006, công ty Xây dựng Bạch Đằng 234 được cổ phần thành công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 và hoạt động cho tới ngày nay.

Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0203003179 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/05/2007.

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Xây Dựng Bạch Đằng 234
- Tên giao dịch quốc tế : Bach Dang 234 Construction Joint Stock Company
- Địa chỉ: Số 2B- Đường Trường Chinh- Quận Kiến An- Thành Phố Hải Phòng
- Tel : 031.3878073 - 031.3878792

- Fax : 031.3876149
- Email : bachdang234@gmail.com
- Vốn điều lệ : 7.000.000.000
- Mã số thuế : 0200742545

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234

2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

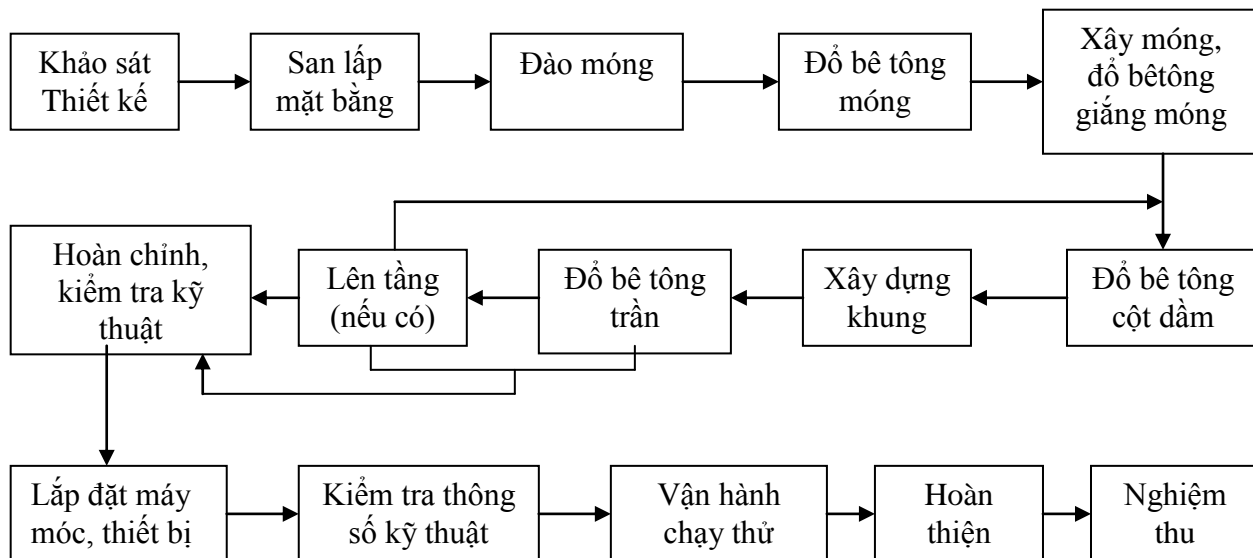
- Nhận thầu thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, nông thôn, công trình cấp thoát nước, các đường dây, trạm biến thế.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ ; sản xuất đồ gỗ xây dựng ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu bện
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét ; sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các loại kết cấu kiện kim loại ; sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại ; sản xuất nồi hơi ; gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại.
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét

Hoạt động chính của công ty : Hoạt động xây dựng

2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất.

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản là ngành sản xuất có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sản phẩm mang tính chất đơn chiếc, có quy mô lớn, thời gian thi công dài, tương đối phức tạp không ổn định và có tính lưu động cao. Với nét riêng đó đòi hỏi công tác quản lý chỉ đạo thi công công việc cũng mang sắc thái riêng và được khái quát theo sơ đồ sau :

Sơ đồ 2.1 : Quy trình công nghệ sản xuất tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234



*** Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần đây**

Có thể nhìn vào một số chỉ tiêu trong những năm gần đây để thấy tình hình tăng trưởng kinh tế qua các giai đoạn của Công ty :

Danh mục	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tổng tài sản	90.975.745.110	84.201.922.939	80.761.245.152
Doanh thu bán hàng	78.023.725.189	121.376.439.971	151.896.590.313
Giá vốn hàng bán	73.992.161.732	117.113.094.434	147.299.828.016
Tổng LN kế toán trước thuế	1.111.692.101	1.421.885.448	2.515.447.311

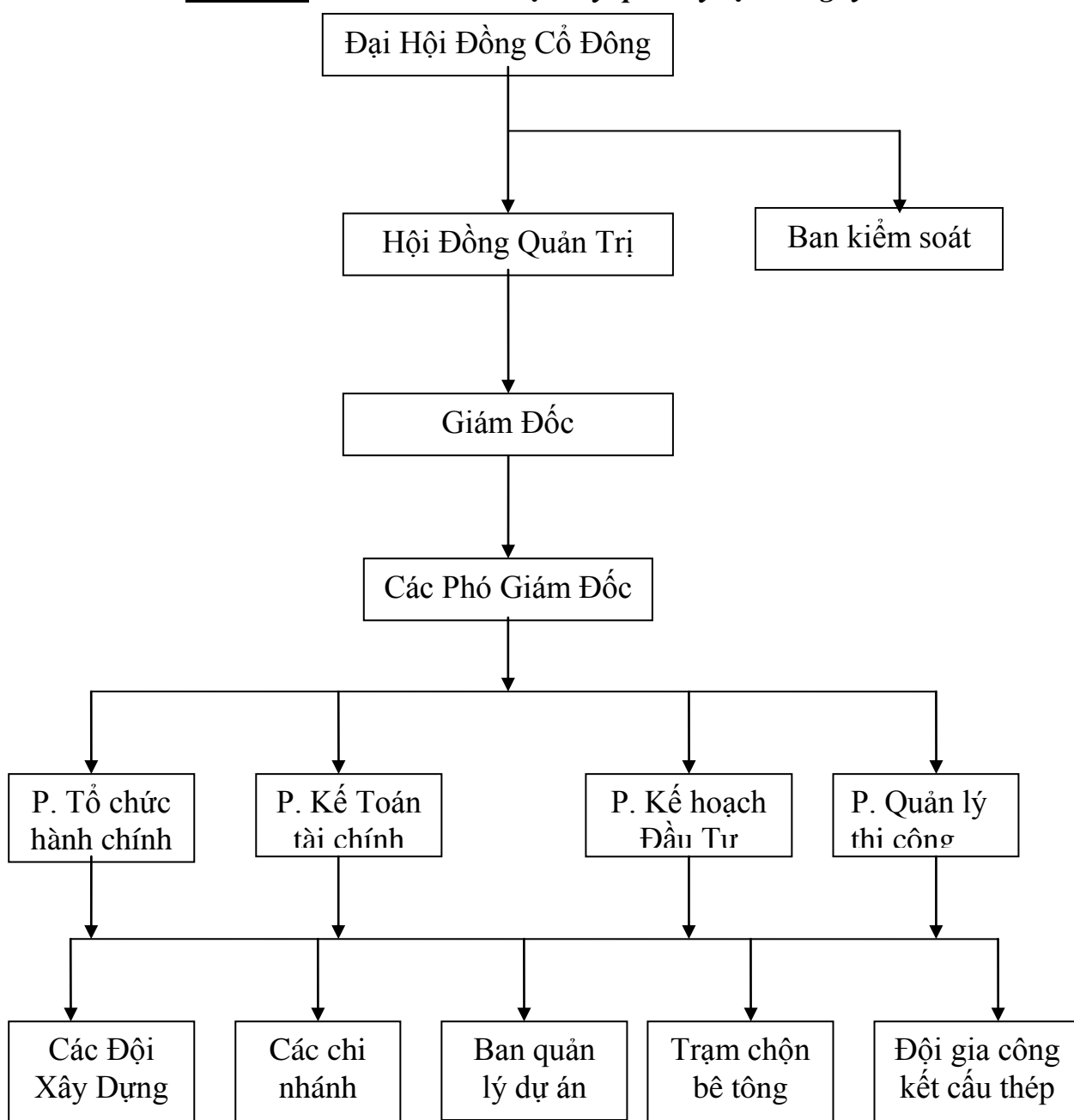
(Nguồn tài liệu: Trích báo cáo tài chính Năm 2008, 2009, 2010)

Tình hình kinh doanh của công ty trong 2 năm 2009, 2010 đạt mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2008. năm 2010 doanh thu đạt 151.896.590.313 tăng 30.520.150.342 đồng so với năm 2009 và tăng 73.872.865.124 đồng so với năm 2008. Để có được kết quả trên ngoài nỗ lực của cán bộ công nhân viên chức trong công ty cùng với sự quan tâm giúp đỡ từ phía Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng còn có sự đóng góp mang tính quyết định đó là chủ trương đúng đắn của công ty.

2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 hoạt động trên tinh thần “Hiệu quả công việc” là chính. Bộ máy quản lý của công ty được chia thành các phòng chức năng bố trí theo sơ đồ hỗn hợp trực tuyến. Sau đây là bộ máy tổ chức quản lý của công ty Cổ Phần Xây dựng Bạch Đằng 234:

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty



Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương, chính sách đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra ban quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan thay mặt đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc đại hội đồng cổ đông quyết định. Định hướng chính sách tồn tại và phát triển thông qua hoạch định các chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát

Do đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp của cổ đông

Giám đốc

Là người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê để quản lý toàn bộ vốn, tài sản của công ty và sử dụng toàn bộ vốn, tài sản đó vào việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của điều lệ công ty, luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật nhằm:

Tạo việc làm, bảo đảm đời sống cho người lao động.

Bảo toàn vốn, tài sản của công ty do các cổ đông góp vốn và không ngừng tích lũy vốn, tái mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao cổ tức cho cổ đông.

Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước.

Giám đốc là người trực tiếp quản lý, chỉ đạo và tổ chức điều hành toàn bộ mọi hoạt động của công ty, chịu mọi trách nhiệm trước cấp trên, trước cơ quan Nhà nước và toàn thể cán bộ công nhân viên về xây dựng công ty và kết quả

hoạt động kinh doanh của công ty.

Giám đốc được uỷ quyền cho Phó giám đốc điều hành công việc theo chức năng khi giám đốc vắng mặt.

Các phó giám đốc

(Gồm có 2 phó giám đốc: 1 phó giám đốc phụ trách quản lý kỹ thuật thi công, 1 phó giám đốc phụ trách dự án và kinh doanh)

Dưới Giám đốc là Phó giám đốc, Phó giám đốc là người trực tiếp giúp việc, tham mưu cho Giám đốc công ty.

Phó giám đốc được quyền quyết định theo từng lĩnh vực đã được phân công khi Giám đốc vắng mặt và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và cán bộ công nhân viên về kết quả công tác trong lĩnh vực được phân công.

Phòng tổ chức hành chính:

Tổ chức nhân sự trong công ty đáp ứng nhu cầu quản lý chặt chẽ nhân sự của công ty, cung cấp nhân sự cho công ty đảm bảo các nguyên tắc quản lý lao động

Lập kế hoạch chi tiêu hành chính cho công ty

Kiểm tra các đơn vị trong công ty thực hiện điều lệ tổ chức và lao động, quy định, quy chế về công tác tổ chức lao động theo chủ trương, đường lối của đảng và chính sách của nhà nước hiện hành.

Tổ chức triển khai, lãnh đạo, đôn đốc kiểm tra công tác quản lý lao động và điều động, tuyển dụng và sử dụng lao động theo đúng các quy định của nhà nước hiện hành và nội bộ công ty.

Phòng kế toán- tài chính:

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty về quản lý tài chính, tài sản công ty theo đúng quy định trong pháp lệnh kế toán thống kê.

Lập dự trù kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm theo quy định của công ty.

Lập báo cáo kế toán tài chính năm theo quy định của công ty

Tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và hạch toán giá thành sản phẩm theo từng công trình theo đúng các quy định hiện hành.

Có trách nhiệm xây dựng trình đăng ký kế hoạch tài chính hàng năm

Thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê, chế độ kế toán về báo cáo tài chính hiện hành đối với công ty.

Phòng kế hoạch đầu tư:

Lập hồ sơ đấu thầu, dự thầu xây dựng các công trình

Lập biện pháp tiến độ thi công, biện pháp an toàn lao động trước khi khởi công xây dựng công trình

Lập kế hoạch vật tư chi tiết cho từng công trình. Kiểm tra chất lượng vật tư

Phòng quản lý thi công:

Tham mưu cho Giám đốc lập kế hoạch, quản lý và báo cáo về mặt kỹ thuật những công trình mà công ty nhận thầu.

Tham mưu đề xuất các phương án thi công mang lại hiệu quả tốt nhất, đảm bảo thực hiện các công trình đúng tiến độ cũng như chất lượng, công trình có tính thẩm mỹ cao, kết cấu được đảm bảo an toàn.

Kết hợp chỉ đạo đơn vị thi công thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ trong hợp đồng.

Các đội Xây dựng, trạm bê tông, ban quản lý dự án, đội gia công kết cấu thép

Ban quản lý dự án trực tiếp quản lý dự án, khảo sát, đôn đốc công nhân hoàn thành công trình, nhằm đảm bảo về mặt chất lượng cũng như tiến độ công trình.

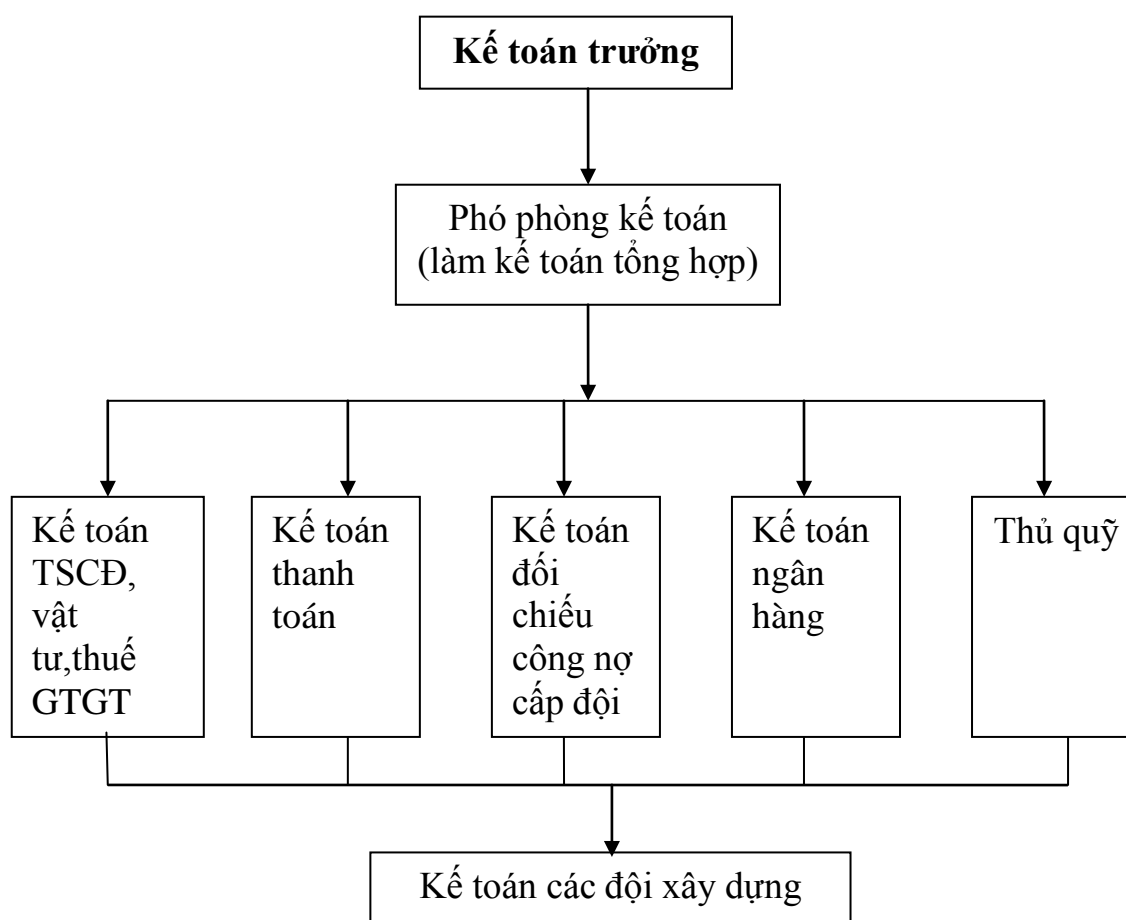
Các đội xây dựng (toàn công ty có 9 đội xây dựng) trực tiếp thi công các công trình đã kí kết, bên cạnh đó còn thi công một số công trình do công ty điều chuyển xuống với mức khoán hợp lý.

Trạm trộn bê tông: công ty có hai trạm trộn bê tông (một đặt tại dự án NM XM Quán Triều và một trạm đặt tại dự án NM XM La Hiên) có chức năng cung cấp bê tông kịp thời cho các công trình và còn kinh doanh bán bê tông cho các công trình của đơn vị khác.

Đội gia công kết cấu thép: có nhiệm vụ chuyên trách về cốp pha, kết cấu thép cho các công trình lớn.

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234**2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234**

Để thực hiện được các yêu cầu của công tác quản lý và hạch toán thống nhất trong công ty, nhằm phát huy hơn nữa vai trò của kế toán trong công tác kế toán tài chính công ty đã áp dụng mô hình tổ chức kế toán tập trung theo sơ đồ sau: **Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**



Theo sơ đồ trên:

a/ Kế toán trưởng:

Là người chịu trách nhiệm phụ trách chung, thực hiện việc tổ chức toàn bộ công tác kế toán trong công ty theo chế độ hiện hành, tiến hành phân tích kinh tế, tham gia kế hoạch xây dựng sản xuất kinh doanh. Kế toán trưởng là người trực tiếp báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính kế toán của công ty lên giám đốc, chịu trách nhiệm trước công ty, cơ quan pháp luật về mọi thông tin của số liệu đã báo cáo.

b/ Phó phòng kế toán(là kế toán tổng hợp):

Tổng hợp toàn bộ các phần hành kế toán khác nhau để hoàn thiện công tác kế toán, đồng thời kiểm tra việc ghi chép ban đầu,việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kì, lập báo cáo tài chính, tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán.

c/ Kế toán TSCĐ, vật tư, thuế GTGT:

Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp.

Thực hiện việc ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho, đồng thời theo dõi tình hình xuất dung và phân bổ công cụ, dụng cụ trong kỳ.

Theo dõi tình hình các khoản thuế phải nộp, tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

d/ Kế toán thanh toán:

Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán với các nhà cung cấp và các khoản phải thu của khách hàng.

e/ Kế toán đối chiếu công nợ cấp đội:

Do công ty sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng cho nên công ty có kế toán đối chiếu công nợ cấp đội riêng, với nhiệm vụ theo dõi công nợ của từng đội xây dựng.

f/ Kế toán ngân hàng:

Thực hiện ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng của công ty, đối chiếu việc trích TGNH thông qua việc khớp đúng giữa hóa đơn, chứng từ và sổ phụ của ngân hàng.

g/ Thủ quỹ:

Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

h/ Kế toán các đội xây dựng:

- Có trách nhiệm theo dõi tất cả các khoản thu chi, công nợ... từ các đối

tượng với đội mình.

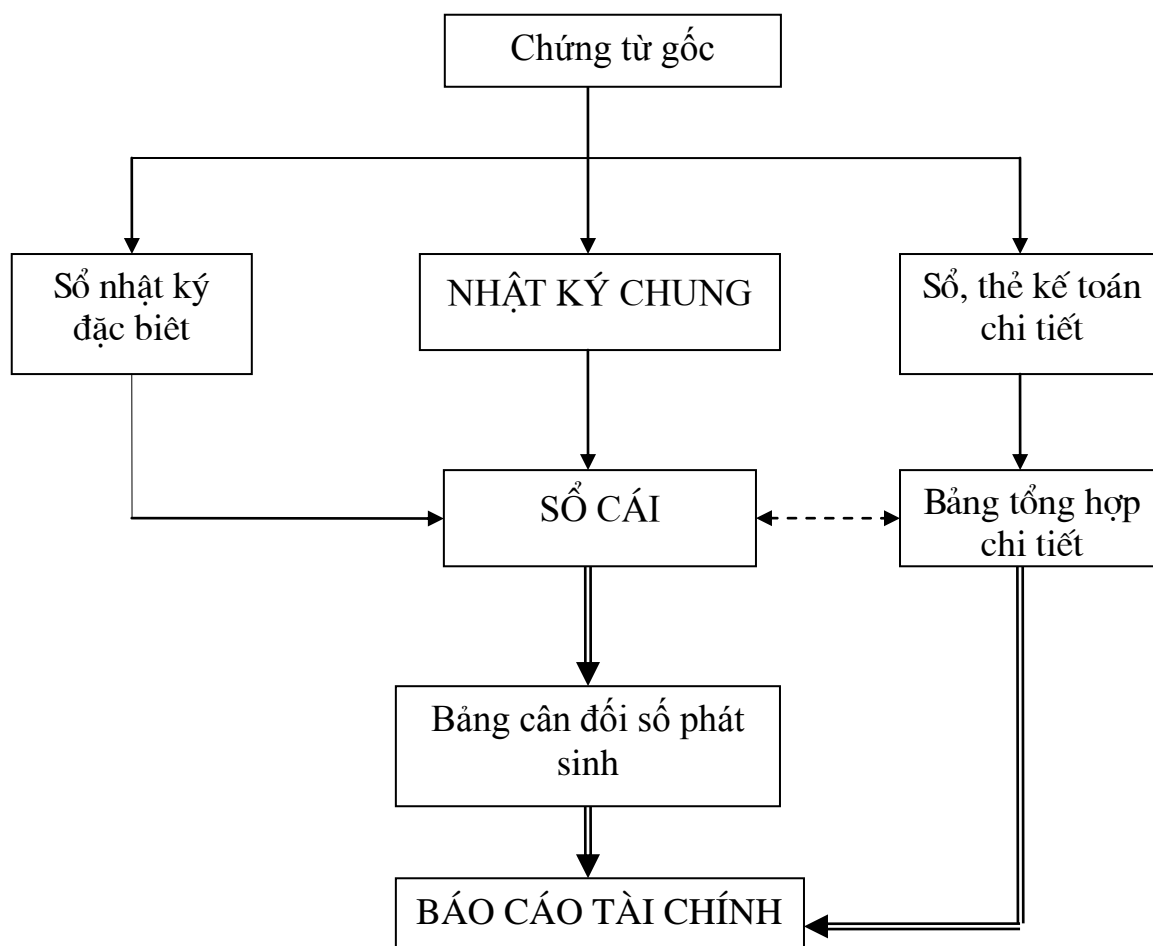
- Khi phát sinh các khoản vay của Công ty và khi có khối lượng xây lắp hoàn thành thì phải tiến hành hoàn chi phí, báo cáo giá thành... Kế toán xí nghiệp sử dụng phương pháp ghi tay để lập các bảng thanh toán chứng từ.

- Thanh toán lương cho cán bộ, công nhân trong đội xây dựng.

2.1.3.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung :

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán của công ty CP Xây dựng Bạch Đằng 234



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ← - - → Đối chiếu, kiểm tra

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Ngoài ra công ty còn sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả công tác kế toán, đáp ứng nhu cầu thông tin chính xác, khách quan, kịp thời. Phần mềm kế toán công ty sử dụng là phần mềm của tác giả Phạm Quang Lập. Đây là phần mềm kế toán do công ty thuê lập trình viên về viết, nhưng phần mềm kế toán này chỉ được sử dụng để hạch toán tổng hợp. Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào chứng từ gốc và bảng thanh toán chứng từ do kế toán đội gửi lên (Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng,...) kế toán tổng hợp nhập số liệu vào máy tính. Số liệu nhập vào sẽ tự động cập nhập vào sổ Nhật Ký Chung, Sổ cái và Sổ chi tiết.

Phần mềm này không có màn hình nhập liệu riêng cho từng phần hành kế toán mà nó chỉ có chức năng cập nhập số liệu vào sổ Nhật ký chung, Sổ Cái các tài khoản, sổ chi tiết. Còn lại các báo cáo liên quan đến từng phần hành do kế toán làm thủ công trên máy (bảng tổng hợp chi phí sản xuất, bảng tính giá thành sản phẩm công trình.....)

Phần mềm kế toán này cho phép theo dõi các tài khoản chi phí theo mã chi

tiết (theo công trình, hạng mục công trình) để tiện cho việc tập hợp chi phí cho từng công trình trong kỳ kế toán. Để làm được điều đó, kế toán mở cho công trình đó một mã sản phẩm.

Để theo dõi chi tiết tình hình công nợ của một công trình, công ty thường mở mã chi tiết cho chỉ huy trưởng. Mọi nghiệp vụ phát sinh liên quan đến công nợ của công trình đó khi cập nhập vào máy tính sẽ được cập nhập vào mã chi tiết đã được mở.

Chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty:

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Hệ thống các chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Công ty tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng (khấu hao đều) và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Công ty có sử dụng các sổ sách: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết....

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234

2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234

2.2.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty

Chi phí sản xuất bao gồm toàn bộ các chi phí sản xuất phát sinh trong lĩnh vực hoạt động xây lắp, là bộ phận cấu thành lên sản phẩm xây lắp. Do đặc điểm

riêng của ngành nên chi phí thường mang tính chất đa dạng, không ổn định, phụ thuộc vào từng giai đoạn thi công từ đó mà quá trình tập hợp chi phí xây lắp gặp nhiều khó khăn.

2.2.1.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí phù hợp với quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong công tác kế toán, giúp công ty tính đúng, đủ được giá thành sản phẩm. Trong quá trình hoạt động, công ty có thể là nhà thầu chính hoặc có trường hợp là nhà thầu phụ, đối tượng để công ty ký kết hợp đồng xây dựng là các công trình, hạng mục công trình. Cũng có nghĩa là sản phẩm của công ty sản xuất ra là các công trình hay hạng mục công trình. Và chúng chính là đối tượng tập hợp chi phí.

2.2.1.3. Phân loại chi phí sản xuất.

Để tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch sản xuất, giá thành dự toán, tính giá thành sản phẩm, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch dự toán, công ty phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí, bao gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: bao gồm toàn bộ các loại nguyên vật liệu cần thiết để tạo ra sản phẩm: Nguyên vật liệu chính (xi măng, bê tông, sắt, thép, gạch, đá ...), các loại vật liệu phụ (dây thép buộc, đinh, que hàn điện...), các loại vật tư chế sẵn (lưới thép, bê tông đúc sẵn...) và các vật tư hoàn thiện công trình (bồn tắm, máy điều hòa...)

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: bao gồm các khoản lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp lương của công nhân tham gia vào việc thi công gồm công nhân trực tiếp thi công, tổ trưởng các tổ thi công và công nhân chuẩn bị, thu dọn công trường.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*:

+ Đối với máy thi công của công ty: chi phí sử dụng máy thi công bao gồm chi phí khấu hao máy thi công, nhiên liệu chạy máy (xăng, dầu, mỡ), tiền lương cho công nhân lái và phụ máy và các khoản chi phí khác như sửa chữa, bảo dưỡng...

+ Đối với máy thi công do công ty thuê: chi phí bao gồm toàn bộ các

khoản chi phí liên quan đến việc thuê máy (thuê trọn gói).

- *Chi phí sản xuất chung:*

Bao gồm toàn bộ các chi phí khác như: chi phí quản lý, lán trại, điện nước...và dịch vụ thuê ngoài.

2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234.

2.2.2.1. Đối tượng tính giá thành tại công ty

Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các công trình, các giai đoạn công việc đã hoàn thành hoặc hạng mục công trình lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành.

2.2.2.2. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành của công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng vào các quý trong năm khi có một công trình hoàn thành bàn giao.

2.2.2.3. Phương pháp tính giá thành tại công ty

Công ty áp tính giá thành theo phương pháp gián đơn (phương pháp trực tiếp) có nghĩa là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình sẽ là tổng chi phí phát sinh được tập hợp kể từ khi khởi công trình cho đến khi hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư của công trình đó. Áp dụng theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực} \\ \text{tế của sản phẩm} & = & \text{của khối lượng} & + & \text{của khối lượng} & - & \text{tế của KL xây} \\ \text{xây lắp hoàn} & & \text{xây lắp dở} & & \text{xây lắp dở dang} & & \text{lắp dở dang} \\ \text{thành, bàn giao} & & \text{dang đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

2.2.3. Nội dung trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234.

Vì tại Công ty áp dụng chế độ giao khoán xuống các đội xây dựng, nên trưởng ban điều hành đội xây lắp chịu trách nhiệm tạm ứng tiền đầu tư công trình và tổ chức mọi hoạt động thi công tại công trình. Công ty sử dụng tài khoản 1413 - mở chi tiết cho từng công trình để phản ánh quan hệ nội bộ giữa công ty và đội thi công.

Các đơn vị cá nhân khi có nhu cầu tạm ứng đều viết giấy xin tạm ứng đề

ngợi Giám đốc duyệt. Khi xin tạm ứng phải ghi rõ ràng, đầy đủ nội dung cần tạm ứng, thanh toán kịp thời và đầy đủ các chứng từ, hoá đơn hợp lệ và làm căn cứ để kế toán ghi Nợ TK 1413 - mở chi tiết cho từng công trình.

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản là : Các công trình và hạng mục công trình được thi công tại nhiều địa điểm cách xa nhau, vì vậy các đơn vị không cần thiết phải mua nguyên vật liệu về dự trữ mà khi có nhu cầu thì chủ nhiệm công trình sẽ mua nguyên vật liệu và đưa thẳng tới công trình không cần qua kho (thực hiện theo cơ chế khoán của Công ty). Điều này sẽ đảm bảo cho chất lượng nguyên vật liệu cũng như giảm bớt được chi phí bảo quản v.v... Do vậy kế toán công ty không hạch toán vật liệu trực tiếp qua tài khoản 152,153... mà hạch toán trực tiếp vào tài khoản 621, 627.

Trong khuôn khổ bài khoá luận, em xin lấy dẫn chứng minh hoạ về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 đối với công trình “*Trường THPT Thăng Long*”

Công trình này được ký kết giữa công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 (bên nhận thầu) với Trường THPT Thăng Long (bên giao thầu) ngày 25 tháng 02 năm 2010, theo hợp đồng số 708/2010/HĐ-XD, công trình bắt đầu thi công từ ngày 01/03/2010 bàn giao ngày 28/12/2010. Giá trị hợp đồng là 4.249.827.562 đồng. Sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, bên A sẽ thanh toán cho bên B 95% giá trị quyết toán được duyệt. Bên A giữ lại 5% giá trị quyết toán tiền bảo hành công trình. Công trình bảo hành 12 tháng. Bên B được hoàn tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận hoàn thành công việc bảo hành.

Sau khi hợp đồng kinh tế được ký kết, công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 khoán gọn công trình cho đội xây dựng số 4 thi công. Theo quy định của công ty khi nhận được hợp đồng thi công công trình thì công ty giữ lại 7% tổng giá quyết toán, còn khoán gọn 93% tổng giá quyết toán cho đội xây dựng số 4 thi công công trình.

Theo hợp đồng khoán gọn công trình, đội xây dựng số 4 phải đảm bảo thi công công trình theo đúng bản thiết kế và phải đảm bảo chất lượng công trình.

2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Vật liệu sử dụng cho hoạt động xây lắp của công ty bao gồm nhiều chủng loại. Khi có công trình thì dựa vào các tài liệu dự toán của công trình, các định mức kinh tế, kỹ thuật mà xác định nhu cầu vật liệu cần thiết. Bởi vậy, vật liệu ở công ty thường được mua ngoài và xuất thẳng đến công trình.

Tuỳ theo từng công trình, các đội thi công được giao khoán việc mua nguyên vật liệu trên cơ sở phòng kế hoạch giao. Phòng kế hoạch căn cứ vào khối lượng dự toán của các công trình, căn cứ vào tình hình sử dụng vật tư, quy trình, quy phạm về thiết kế kỹ thuật, công nghệ thi công cũng như nhiều yếu tố liên quan khác mà kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng vật liệu để giao khoán cho đơn vị thi công thực hiện.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng (công trình, hạng mục công trình) theo giá trị thực tế của từng loại nguyên vật liệu ghi trên hoá đơn.

- Tài khoản sử dụng: TK 6211, các tài khoản liên quan như TK 1413,...
- Chứng từ sử dụng: hoá đơn GTGT, giấy đề nghị tạm ứng,...
- Sổ sách kế toán sử dụng: sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 621, sổ cái TK 621, sổ khác có liên quan.
- Quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được diễn ra như sau:

Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu, chủ nhiệm công trình viết giấy đề nghị tạm ứng để mua nguyên vật liệu. Khi mua nguyên vật liệu về có hóa đơn, chi phí nguyên vật liệu xuất dùng sẽ được tập hợp vào bảng thanh toán chứng từ cùng với các chứng từ gốc để gửi lên phòng kế toán của công ty vào cuối tháng. Do nguyên vật liệu mua về sử dụng ngay không qua kho nên chứng từ ban đầu để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không phải là các phiếu xuất kho mà là các hoá đơn GTGT, các hoá đơn bán hàng (liên giao cho khách hàng), các hợp đồng kinh tế...Kèm theo các chứng từ chứng minh cho các hoá đơn đó như phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, giấy vay tiền chuyên khoản (nếu thanh toán bằng chuyên khoản), cùng các giấy tờ liên quan khác.

VD: Ngày 8/10/2010 ông Phí Quang Đam mua vật liệu xuất thẳng đến công trình trường THPT Thăng Long, thanh toán bằng chuyển khoản. Tổng giá thanh toán 240.812.000 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%) theo HĐ0084265

Biểu 2.1:

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT-3LL	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: TH/10P	
Liên 2: Giao khách hàng				Số : 0084265	
Ngày 08 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Hoàn Mỹ					
Địa chỉ: 99 Nguyễn Văn Linh- Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại : 031.3641.820			Fax: 031.3641820		
Mã số thuế :	0	2	0	0	5
	5	5	0	3	9
	2				
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị :... Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.....					
Địa chỉ : Số 2B- Trường Chinh- Kiến An – Hải Phòng.....					
Mã số thuế:	0	2	0	0	7
	4	2	5	4	5
Hình thức thanh toán :...CK... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Đá 1x2	m3	273	240.000	65.520.000
02	Cát vàng	m3	200	370.000	74.000.000
03	Bê tông Mác 300	m3	60	990.000	59.400.000
04	Chung chuyên	xe	100	200.000	20.000.000
Cộng tiền hàng:					218.920.000
Thuế suất GTGT: ..10...%					Tiền thuế GTGT: 21.892.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					240.812.000
Số tiền viết bằng chữ:.. (Hai trăm bốn mươi triệu tám trăm mười hai ngàn đồng chẵn./.)					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký,đóng dấu,ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.2:

Tổng Công ty XD Bạch Đằng
CÔNG TY CPXD BẠCH ĐẰNG 234

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY VAY TIỀN CHUYỂN KHOẢN

Công trình-Hạng mục công trình:.....Trường THPT Thăng Long.....

Kính gửi: - Ông giám đốc công ty CPXD Bạch Đằng 234
- Bà kế toán trưởng Công ty

Tên tôi là:...Phí Quang Đam.....

Đơn vị :CT trường THPT Thăng Long.....

Đề nghị vay số tiền là : ..240.812.000.....

Bằng chữ : Hai trăm bốn mươi triệu tám trăm mười hai ngàn đồng chẵn....

Trả cho đơn vị : Công ty TNHH Thương mại Hoàn Mỹ.....

Tài khoản số : 102010000643461.....

Tại ngân hàng : Thương mại CP Công thương Hải Phòng.....

Mục đích sử dụng tiền vay : trả tiền mua nguyên vật liệu

Tạm ứng theo hợp đồng kinh tế số.....ngày.....thángnăm 20...

* Thanh toán tiền mua hàng theo chứng từ sau :

TT	Hóa đơn mua hàng		Đã thanh toán		Thanh toán kỳ này
	Ngày tháng	Số tiền	Ngày tháng	Số tiền	
	08/10/2010	240.812.000			240.812.000
	Cộng	240.812.000			240.812.000

Tôi xin cam kết sử dụng đúng mục đích số tiền đã vay trên và thanh toán đầy đủ chứng từ theo quy định trước khi đề xuất vay đợt tiếp theo.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 10 Năm 2010.

Giám đốc **Kế toán trưởng** **Kế toán theo dõi** **Người vay tiền**
Trần Văn Sâm Lê Thị Tuyết Nhung Ngô Thị Kim Anh Phí Quang Đam

Biểu 2.3

ỦY NHIỆM CHI

Số/ Seq No: 0049

PAYMENT ORDER

Ngày/Date: 31/10/2010

<p>Số tiền bằng số/ Amount in figures: 240.812.000</p> <p>Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Hai trăm bốn mươi triệu tám trăm mười hai ngàn đồng chẵn.....</p> <p>Nội dung/Remarks:..Thanh toán tiền mua vật liệu CT trường THPT Thăng Long</p>		<p>Phí NH <input type="checkbox"/> Phí trong Charge Included</p> <p>Charge <input checked="" type="checkbox"/> Phí ngoài Charge Excluded</p>	
<p>ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY CP XD BẠCH ĐẰNG234</p> <p>APPLICANT</p> <p>Số CMT/ID/PP:</p> <p>Ngày cấp/Date :/.../..... Nơi cấp/Place:.....</p> <p>Số TK/A/C No:3211 0000 0000 81.....</p> <p>Tại NH/At Bank: BIDV Hải Phòng.....</p>		<p>ĐƠN VỊ/ NGƯỜI HƯỞNG: ...CTY TNHH T.MẠI</p> <p>BENEFICIARYHOÀN MỸ.....</p> <p>Số CMT/ID/PP:</p> <p>Ngày cấp/Date: .../.../..... Nơi cấp/place:...</p> <p>Số TK/A/C:10201.0000 643 461...</p> <p>Tại NH/At bank: TM CP Công Thương HP</p>	
<p>PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG</p>			
<p>KẾ TOÁN TRƯỞNG</p> <p>Chief Accountant</p> <p>Lê Thị Tuyết Nhung</p>	<p>CHỦ TÀI KHOẢN</p> <p>Acount Holder</p>	<p>NGÂN HÀNG GỬI/SENDING BANK</p> <p>Giao dịch viên</p> <p>Received by</p>	<p>NGÂN HÀNG NHẬN/RECEIVING BANK</p> <p>Giao dịch viên</p> <p>Received by</p>
		<p>kiểm soát</p> <p>Verified by</p>	<p>Kiểm soát</p> <p>Verified by</p>

Trên cơ sở các chứng từ gốc là các hoá đơn mua hàng, kế toán đội lập “Bảng thanh toán chứng từ”.

Biểu 2.4**Công ty CP XD Bạch Đằng 234**

Số hiệu chứng từ:.....Số TT NKC:.....

BẢNG THANH TOÁN CHỨNG TỪ THÁNG 10 NĂM 2010

CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG THPT THĂNG LONG

Đội thi công: Ông Phí Quang Đam

Số HĐ	Ngày HĐ	Đơn vị bán hàng	HHDV	Chứng từ		Giá thanh toán
				Tiền hàng	Tiền thuế	
A	B	C	D	1	2	3=1+2
		1- Chi phí vật tư:				
0002354	02/10/2010	Cty CP xăng dầu Hải Phòng	Dầu diesel	5.004.545	485.455	5.490.000
0084265	08/10/2010	Cty TNHH TMai Hoàn Mỹ	Đá, cát ,bê tông	218.920.000	21.892.000	240.812.000
0000004	08/10/2010	Cty CP TM & Đtr An Việt	Lắp đặt hệ thống PCCC, chống sét	20.700.000	2.070.000	22.770.000
0000004	18/10/2010	Cty Đtr XD&CN Mạnh Trường	Lắp đặt hệ thống ống dẫn nước, thiết bị nhà vệ sinh	35.862.727	3.586.273	39.449.000
0000004	24/10/2010	Cty TNHH cơ khí CKV	Khung hàng rào	35.000.000	3.500.000	38.500.000
		Cộng (1)		315.487.272	31.533.728	347.021.000
		2- Chi phí máy thi công:				
0000009	08/10/2010	Cty CP Xây dựng Đức Trung	Bơm bê tông, máy xúc	25.890.000	2.589.000	28.479.000
		Cộng (2)		25.890.000	2.589.000	28.479.000
		3- Chi phí khác:				
0000073	10/10/2010	Cty TNHH Lôi Châu	Tiếp khách	1.132.000	113.200	1.245.200
0000093	10/10/2010	Cty CP Tiên Phong	Văn phòng phẩm	727.273	72.727	800.000
1683264	20/10/2010	Cty CP điện lực Hải Phòng	Tiền điện T09	1.039.464	103.946	1.143.410
		Cộng (3)		2.898.737	289.874	3.188.610
		Tổng cộng (1+2+3)		344.276.009	34.412.601	378.688.610

Hải Phòng, ngày 31 tháng 10 năm 2010

Giám đốc
Trần Văn Sâm

Kế toán trưởng
Lê Thị Tuyết Nhung

Kế toán theo dõi
Nguyễn Quang Long

Người thanh toán
Phí Quang Đam

Bảng thanh toán chứng từ sẽ giúp phòng kế toán kết hợp với phòng kế hoạch để đối chiếu với khối lượng dự toán và từ đó có biện pháp chỉ đạo trong trường hợp cần thiết.

Sau khi lập bảng thanh toán chứng từ, kế toán đội gửi lên phòng kế toán công ty cùng các chứng từ gốc. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chứng từ này rồi căn cứ vào bảng thanh toán chứng từ, kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy tính. Số liệu vừa nhập vào máy tính sẽ tự động cập nhập sang sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản liên quan, sổ chi tiết theo công trình theo quan hệ đối ứng TK.

Sau đây là trích dẫn những nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến công trình Trường THPT Thăng Long được phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.5) và sổ Chi tiết tài khoản 6211 (Biểu 2.6) sau đó vào sổ Cái TK621 (Biểu 2.7).

Biểu 2.5

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Số hiệu tài khoản		Số tiền
Ngày CT	Số hiệu		Nợ	Có	
		Số trang trước chuyển sang(quý IV)			
.....
05/10/2010	PC02	Ô. Học thanh toán mực in máy kế toán	6422	1111	1.050.000
06/10/2010	PT01	Lĩnh tiền gửi NH TMCP Quân Đội nhập quỹ TM	1111	11211	320.000.000
				
09/10/2010	UNC	Ô.Đam vay mua vật tư phục vụ CT Trường THPT Thăng Long	1413	1121	240.812.000
09/10/2010	UNC	NHĐT thu phí chuyên tiền	6427	1121	60.000
09/10/2010	UNC	NHĐT thu phí chuyên tiền	1331	1121	6.000
				
31/10/2010	CF09/10	Ô.Tho t/toán CF nhân công CT La Hiền 6	6221	1413	512.525.000
31/10/2010	CF10/10	Ô. Hòa t/t CF vật tư CT khu giặt xưởng 8 Youngone	6211	1413	168.505.338
31/10/2010	CF10/10	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1413	7.872.198
31/10/2010	CF11/10	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	6211	1413	315.487.272
31/10/2010	CF11/10	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1413	31.533.728
.....
		Cộng chuyển sang trang sau			
		Cộng lũy kế (quý IV)		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn tài liệu: Trích sổ Nhật ký chung năm 2010)

Biểu 2.6

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234

Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số: S38 -DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 621- chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Đối tượng : Trường THPT Thăng Long

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày CT	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
31/10/2010	CF11/10	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	1413	315.487.272	
30/11/2010	CF17/11	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	1413	224.460.336	
31/12/2010	CF10/12	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	1413	206.126.114	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	154		746.073.722
		Cộng phát sinh		746.073.722	746.073.722

Ngày 31.tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ chi tiết TK 621 Quý IV năm 2010)

Biểu 2.7

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 621

Năm 2010

Tên tài khoản: chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
Ngày CT	Số hiệu				
		Số dư đầu kỳ		-	
				
31/10/2010	CF11/10	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	1413	315.487.272	
31/10/2010	CF12/10	Ô. Hòa t/t CF vật tư CT xi măng Quán Triều	1413	2.278.185.575	
				
30/11/2010	CF15/11	Ô.Thọ t/t chi phí vật tư CT XM Quán Triều	1413	2.243.839.454	
30/11/2010	CF16/11	Ô. Hoàn t/toán CF vật tư khu giặt xường 8 Youngone	1413	168.505.338	
30/11/2010	CF17/11	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	1413	224.460.336	
				
31/12/2010	CF07/12	Ô.Vũ t/t CF vật tư CT La Hiên 6-	1413	1.660.771.053	
31/12/2010	CF08/12	O.Thành t/t CF vật tư CT XM Quán Triều	1413	885.829.894	
31/12/2010	CF09/12	Ô.Ruệ t/t CF vật tư CT đóng tàu Tam Bạc	1413	38.584.116	
31/12/2010	CF10/12	O.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	1413	206.126.114	
				
31/12/2010	BK35/12	Giảm Ô.HV Cường t/t CF vật tư CT Ban Mai	3388	- 41.019.638	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD	154		37.454.712.389
31/12/2010	BSQT12	Kết chuyển CPSXDD	154		-742.288.528
				
		Cộng phát sinh:		36.712.423.861	36.712.423.861
		Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 621 quý IV năm 2010)

2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Do đặc điểm hoạt động của công ty có nhiều công trình, thi công tại nhiều địa phương khác nhau trong cả nước vì vậy Công ty sử dụng nhân công trực tiếp là lao động thuê ngoài theo phương thức khoán sản phẩm, thuê tại chính địa phương nơi có công trình, hoặc ký các hợp đồng lao động ngắn hạn. Việc sử dụng lao động thuê ngoài trong cơ chế khoán hiện nay là hoàn toàn phù hợp giúp doanh nghiệp, giảm được chi phí trong trường hợp công trường không hoạt động liên tục.

- Tài khoản sử dụng: TK 622, các tài khoản liên quan như TK 1413,3341...

- Chứng từ sử dụng: Hợp đồng lao động

Hợp đồng làm khoán

Bảng thanh toán lương

Bảng chấm công

- Sổ sách sử dụng : Nhật ký chung, sổ chi tiết 622, sổ cái TK 622

- Quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được diễn ra như sau:

VD : *Sau đây là quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp Tháng 10/2010*

Trước khi thi công công trình chủ hạng mục phải ký hợp đồng lao động với nhóm nhân công.

Biểu 2.8

Tổng Công ty XD Bạch Đằng
CÔNG TY CPXD BẠCH ĐẰNG 234

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :...../ 20.....HDLĐ-CT

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH

Ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội)

Chúng tôi, một bên là ông : **TRẦN VĂN SÂM** Quốc tịch : Việt Nam
 Chức vụ : Giám đốc
 Đại diện cho : Công ty CPXD Bạch Đằng 234 Điện thoại :
 0313.878277
 Địa chỉ : Số 2B- Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng
 Và một bên là ông : **NGÔ QUANG TRUNG** Quốc tịch : Việt Nam
 Sinh năm :..... Tại :
 Nghề nghiệp : Công nhân (Đại diện tổ lao động)
 Địa chỉ thường trú :.....thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên- HP.....
 Số CMTND : 031515720.. cấp ngày 20 tháng 02 năm 2006 Tại : Hải Phòng
 Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1 : Thời hạn và công việc hợp đồng.

- Loại hợp đồng lao động : Thời vụ
- Từ ngày 01 tháng 03 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010
- Thử việc từ ngày tháng năm 20 đến ngày tháng năm 20
- Địa điểm làm việc : Trường THPT Thăng Long - TP Hải Phòng
- Chức danh chuyên môn : Công nhân Chức vụ : Tổ trưởng tổ lao động
- Công việc phải làm : Xây, trát, chống thấm, chống nóng, lán mái và làm công nhật toàn bộ công trình Trường Thăng Long do ông Phí Quang Đam làm chủ hạng mục

Điều 2 : Chế độ làm việc.

- Thời giờ làm việc: 8h/ngày, theo tính chất công việc
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm có: theo tính chất công việc

Điều 3 : Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động.**1. Quyền lợi:**

- Phương tiện đi lại làm việc : Người lao động tự do
- Mức lương cơ bản : Lương khoán theo sản phẩm(công việc) hoàn thành
- Hình thức trả lương : Trả lương theo tháng
- Phụ cấp gồm : Không

- Được trả vào các ngày : Cuối tháng
 - Tiền thưởng : Không
 - Chế độ nâng lương : Không
 - Được trang bị BHLĐ : Theo tính chất công việc
 - Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ, tết): theo quy định hiện hành
 - BHXH, BHYT : Theo quy định hiện hành
 - Chế độ đào tạo : Không
 - Những thỏa thuận khác :
- + Thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể
- + Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động nếu có gì vướng mắc hai bên cùng bàn bạc giải quyết./.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành cam kết trong hợp đồng lao động
- Chấp hành nội quy lao động, kỷ luật lao động và an toàn lao động
- Bồi thường thiệt hại nếu xảy ra mất mát tài sản của Công ty

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ những cam kết trong HĐLĐ
- Thanh toán đầy đủ, từ ngày 01 tháng 03 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo HĐLĐ, thỏa ước lao động tập thể.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động, hoàn thành công việc theo hợp đồng
- Tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của doanh nghiệp

Điều 5 : Điều khoản thi hành.

- Những vấn đề về lao động không ghi trong HĐLĐ này thì áp dụng quy định của thỏa ước lao động tập thể.
- Trường hợp chưa có thỏa ước lao động tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- HĐLĐ được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/06/2010. khi hai bên ký kết phụ lục HĐLĐ thì nội dung của phụ lục HĐLĐ cũng có giá trị như nội dung của bản HĐLĐ này.

Hợp đồng này làm tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234 ngày 01/03/2010

NGƯỜI LAO ĐỘNG

(ký tên, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(ký tên và đóng dấu)

Các nhóm nhân công tiến hành sản xuất thi công theo hợp đồng làm khoán, tổ trưởng các tổ sản xuất theo dõi tình hình lao động của nhân công trong tổ mình thông qua Bảng chấm công.

Biểu 2.9**CÔNG TY CP XD BACH ĐĂNG 234****HỢP ĐỒNG LÀM KHOÁN**

Công trình : Trường THPT Thăng Long
Tổ : Nè - Họ và tên tổ trưởng: Ngô Quang Trung

Số hiệu định mức	Nội dung công việc, điều kiện sản xuất, điều kiện kỹ thuật	Đơn vị tính	Giao khoán					Thực hiện					Kỹ thuật xác nhận công việc	Kỹ thuật ký (họ và tên)
			Khối lượng	Định mức	Đơn giá	Thời gian		Khối lượng	Số tiền	Số công theo định mức	Số công thực tế	Thời gian kết thúc		
						Bắt đầu	Kết thúc							
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	D	Đ
-	Xây tường	m3			250.000	02/10/2010	31/10/2010	25,123	6.280.700		300,0	31/10/2010		
-	Trát tường, cột, dầm, trần	m2			25.000			26,33	658.250					
-	Đổ bê tông nền sàn nhà	m3			65.000			130,17	8.461.050					
-	Vệ sinh toàn công trình	Công			100.000			236,00	23.600.000					
	Cộng								39.000.000					

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

NGƯỜI NHẬN KHOÁN

(ký tên, họ và tên)

Ngô Quang Trung

NGƯỜI GIAO KHOÁN

(ký tên, họ và tên)

Phí Quang Đam

Điều kiện sản xuất thay đổi so với khi giao khoán

Tổng số tiền thanh toán (bằng chữ): Ba mươi chín triệu đồng chẵnPHÒNG TCTL
(ký tên, họ và tên)KẾ TOÁN THEO DÕI
(ký tên, họ và tên)

Biểu 2.10

PHẦN CHẤM CÔNG VÀ CHIA LƯƠNG

Tổ : Nè - Họ và tên tổ trưởng: Ngô Quang Trung

stt	Họ và Tên	Số hiệu công nhân	Bậc lương	Số ngày trong tháng (ghi theo giờ công)										Tổng số công	Hệ số bậc lương	Thành tiền lương cấp bậc	Bù chênh lệch bậc lương	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận	
				1 16	2 17	3 18	4 19	...	12 27	13 28	14 29	15 30	31							
1	Ngô Quang Trung				X	X	X	...	X	X	X	X	X	30				3.900.000		
				X	X	X	X		X	X	X	X	X							
2	Vũ Thị Nền				X	X	X	...	X	X	X	X	X	30				3.900.000		
				X	X	X	X		X	X	X	X	X							
3	Trần Văn Quân				X	X	X	...	X	X	X	X	X	30				3.900.000		
				X	X	X	X		X	X	X	X	X							
4	Trần Văn Bình				X	X	X	...	X	X	X	X	X	30				3.900.000		
				X	X	X	X		X	X	X	X	X							
5	Phạm Văn Thạch				X	X	X	...	X	X	X	X	X	30				3.900.000		
				X	X	X	X		X	X	X	X	X							
.....
9	Tạ Văn Tân				X	X	X	...	X	X	X	X	X	30				3.900.000		
				X	X	X	X	.	X	X	X	X	X							
10	Luu Bá Văn				X	X	X	...	X	X	X	X	X	30				3.900.000		
				X	X	X	X		X	X	X	X	X							
Cộng														300					39.000.000	

(Bằng chữ: Ba mươi chín triệu đồng chẵn.)

NGƯỜI CHẤM CÔNG

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

ĐỘI XÂY DỰNG

Phi Quang Đam

Biểu 2.11**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 10 NĂM 2010****Bộ phận văn phòng, kỹ thuật**

STT	Họ và tên	Bậc lương	Lương cơ bản		NĂng suất lao động	Ăn ca	Phụ cấp trách nhiệm	Tổng lương	Ký nhận	Ghi chú
			Số công	Số tiền						
A	B	C	1	2	3	4		5	6	7
1	PHÍ QUANG ĐAM	CHỦ CÔNG TRÌNH	30	3.552.000	1.198.000	450.000	500.000	5.700.000		
2	BÙI MẠNH CƯỜNG	KỸ THUẬT	30	2.086.000	1.496.000	450.000		4.032.000		
	TỔNG CỘNG		30	5.638.000	2.694.000	900.000	500.000	9.732.000		

(Bảng chữ: Năm triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn.)

Hải Phòng, ngày 31 tháng 10 năm 2010

ĐỘI XÂY DỰNG
Phí Quang Đam

CÁN BỘ TIỀN LƯƠNG
Phạm Diễm Hằng

KẾ TOÁN THEO DÕI

Việc hạch toán kết quả lao động được thực hiện trên cơ sở hợp đồng làm khoán, bảng chấm công và chia lương, bảng thanh toán lương của bộ phận văn phòng, kỹ thuật. Đây là những chứng từ ban đầu được chuyển lên phòng kế toán Công ty để làm cơ sở tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Vì đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình cho nên việc hạch toán chi phí nhân công cũng được tập hợp theo công trình, hạng mục công trình.

Sau mỗi giai đoạn thi công, kế toán đội căn cứ vào hợp đồng làm khoán và bảng thanh toán lương để ghi vào bảng tổng hợp lương.

Biểu 2.12

CÔNG TY CỔ PHẦN XD BẠCH ĐẰNG 234

Dự án : Trường THPT Thăng Long

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG

CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THĂNG LONG

STT	TỔ TRƯỞNG	TỔ	NĂM 2010			TỔNG CỘNG
			T10	T11	T12	
1	Ngô Quang Trung	Tổ nề	39.000.000	29.400.000	28.000.000	96.400.000
2	Lương gián tiếp	Gián tiếp	9.732.000	9.732.000	9.732.000	29.196.000
	TỔNG CỘNG		48.732.000	39.132.000	37.732.000	125.596.000

(Bảng chữ: Một trăm mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn)

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

GIÁM ĐỐC PHÒNG TCLĐ TLƯƠNG

PHÒNG KẾ TOÁN

ĐỘI XÂY DỰNG

Phí Quang Đam

Sau khi kế toán đội gửi bảng tổng hợp lương cùng các chứng từ liên quan lên phòng kế toán công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ rồi căn cứ vào bảng tổng hợp lương để nhập vào máy tính. Số liệu vừa nhập vào máy tính sẽ tự động cập nhập sang sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản liên quan, sổ chi tiết theo công trình theo quan hệ đối ứng TK

Sau đây là trích dẫn những nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến công trình Trường THPT Thăng Long được phản ánh vào sổ Nhật Ký chung (Biểu 2.13) và sổ chi tiết TK 622 (Biểu 2.14). Sau đó, số liệu từ Sổ nhật ký chung được chuyển đến Sổ cái TK 622 (Biểu 2.15).

Biểu 2.13

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Số hiệu tài khoản		Số tiền
Ngày CT	Số hiệu		Nợ	Có	
		Số trang trước chuyển sang (quý IV)			
.....
05/10/2010	PC02	Ô. Học thanh toán mục in máy kế toán	6422	1111	1.050.000
06/10/2010	PT01	Lĩnh tiền gửi NH TMCP Quân Đội nhập quỹ TM	1111	11211	320.000.000
	
09/10/2010	UNC03	Ô.Đam vay mua vật tư phục vụ CT Trường THPT Thăng Long	1413	1121	240.812.000
09/10/2010	UNC02	NHĐT thu phí chuyên tiền	6427	1121	60.000
09/10/2010	UNC02	NHĐT thu phí chuyên tiền	1331	1121	6.000
				
31/10/2010	CF09/10	Ô.Thọ t/toán CF nhân công CT La Hiên 6	6221	1413	512.525.000
31/10/2010	CF11/10	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	6211	1413	315.487.272
31/10/2010	CF11/10	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1413	31.533.728
				
31/10/2010	CF20/10	Ô.Đam t/toán CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	6221	1413	48.732.000
31/10/2010	CF23/10	O.Huy t/t CF nhân công CT CV5 Dung Quat	6221	1413	573.935.682
.....
		Cộng chuyển sang trang sau			
		Cộng lũy kế (quý IV)		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn tài liệu: Trích sổ Nhật ký chung năm 2010)

Biểu 2.14

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234

Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S38 -DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 622- chi phí nhân công trực tiếp
Đối tượng : Trường THPT Thăng Long

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày CT	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		-	-
31/10/2010	CF20/10	Ô.Đam t/t CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	1413	48.732.000	
30/11/2010	CF10/11	Ô.Đam t/t CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	1413	39.132.000	
31/12/2010	CF22/12	Ô.Đam t/t CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	1413	37.732.000	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	154		125.596.000
		Cộng phát sinh:		125.596.000	125.596.000
		Số dư cuối kỳ:		-	-

Ngày 31.tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ chi tiết TK 622 Quý IV năm 2010)

Biểu 2.15

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 622

Năm 2010

Tên tài khoản : chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
Ngày CT	Số hiệu				
		Số dư đầu kỳ		-	-
				
31/10/2010	CF09/10	Ô.Thọ t/t CF nhân công CT La Hiên 6	1413	512.525.000	
31/10/2010	CF20/10	Ô.Đam t/toán CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	1413	48.732.000	
31/10/2010	CF23/10	O.Huy t/t CF nhân công CT CV5 Dung Quất	1413	573.935.682	
30/11/2010	CF06/11	Ô.Tuân t/t CF nhân công CT La Hiên 6	1413	57.439.300	
30/11/2010	CF10/11	Ô.Đam t/toán CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	1413	39.132.000	
30/11/2010	CF17/11	O.Hòa t/t CF nhân công khu giặt xưởng 8 Youngnone	1413	51.321.299	
31/12/2010	CF09/12	O. Huy t/t CF nhân công CT La Hiên 6	1413	1.184.284.000	
31/12/2010	CF18/12	O.Thành t/t CF nhân công CT Quán Triều	1413	490.624.991	
31/12/2010	CF20/12	Ô.Khoa t/t CF nhân công CT XM Quán Triều	1413	339.550.000	
31/12/2010	CF21/12	Ô.Văn t/t CF nhân công CT XM Quán Triều	1413	410.754.800	
31/12/2010	CF22/12	Ô.Đam t/toán CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	1413	37.732.000	
				
31/12/2010	BKQT	Kết chuyên lương BĐH La Hiên 6 Q4/2010	3341	67.341.000	
31/12/2010	BKQT	Kết chuyên lương BĐH XM Quán Triều Q4/2010	3341	93.762.000	
31/12/2010	BKQT	Kết chuyên CPSXDD	154		5.791.815.022
		Cộng phát sinh :		5.791.815.022	5.791.815.022
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 622 quý IV năm 2010)

2.2.3.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Công ty tiến hành thuê máy thi công thông qua hợp đồng kinh tế để thoả thuận giá cả và khối lượng công việc thực hiện. Chi phí thuê ngoài máy thi công đã bao gồm tất cả các khoản chi phí nhân công sử dụng máy thi công, chi phí nhiên liệu,... phục vụ cho máy thi công.

- Tài khoản sử dụng: TK 623, các tài khoản liên quan như TK 1413, TK 331,...

- Chứng từ sử dụng: Hợp đồng kinh tế

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

Hoá đơn GTGT.

- Sổ sách sử dụng : Nhật ký chung, sổ chi tiết TK623, sổ cái TK623...

- Quá trình hạch toán chi phí máy thi công của công trình trường THPT Thăng Long được diễn ra như sau:

VD: Ngày 08/10/2010 thuê trộn bê tông và máy xúc của công ty CP Xây dựng Đức Trung theo HĐ0000009, tổng số tiền là 28.479.000 đồng (bao gồm thuế VAT 10%)

Khi phát sinh nhu cầu sử dụng máy thi công cho công trình, quản lý đội tiến hành thuê máy thi công với công ty Cổ phần Xây dựng Đức Trung. Công ty Cổ phần Xây dựng Đức Trung tiến hành thi công theo hợp đồng. Khi hoàn thành công việc, hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành làm cơ sở để thanh toán.

Biểu 2.16

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG****Công trình: Xây dựng Trường THPT Thăng Long****Địa điểm xây dựng: Ngô Quyền- Hải Phòng.****1. Đối tượng nghiệm thu.***- máy trộn bê tông, máy xúc đất.***2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu.****- Bên A: Công ty CP Xây dựng Bạch Đằng 234**

Địa chỉ trụ sở chính: 2B- Trường Chinh- Kiên An- Hải Phòng

Đại diện: Ông Phí Quang Đam

Chức vụ: Chủ hạng mục

- Bên B: Công ty CP xây dựng Đức Trung

Địa chỉ: Trần Nhân Tông- Kiên An- Hải Phòng

Đại diện: Bà Trịnh Thị Tâm

Chức vụ: Giám đốc

Ông Lê Minh Chiến

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu.**4. Đánh giá bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công XD đã thực hiện.****a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:****b. Chất lượng xây dựng bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng:****c. Giá trị thanh toán:**

TT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng (Tạm tính)	Đơn giá (ĐỒNG/100m ³)	Thành tiền (ĐỒNG)
1	Trộn bê tông	100m ³	8,916	1.730.000	15.424.800
2	Máy xúc	100m ³	7,344	1.425.000	10.465.200
3	VAT (10%)				2.589.000
	Cộng				28.479.000

Hai tám triệu bốn trăm bảy chín nghìn đồng chẵn.**5. Kết luận.**

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng nói trên.

ĐẠI DIỆN BÊN B**ĐẠI DIỆN BÊN A**

Biểu 2.17

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 08 tháng 10 năm 2010			Mẫu số: 01 GTKT-3LL 02AA/2010B 0000009																	
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Xây dựng Đức Trung..... Địa chỉ: Trần Nhân Tông- Kiến An- Hải Phòng..... Số tài khoản: ...102010001538761 tại NH TMCP Công Thương Hải Phòng Điện thoại: MS:																				
			<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>3</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>1</td></tr> </table>	0	2	0	0	2	3	8	7	8	1	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </table>						
0	2	0	0	2	3	8	7	8	1											
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234..... Địa chỉ: 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng..... Số tài khoản: Hình thức thanh toán: CK..... MS:																				
			<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>4</td><td>2</td><td>5</td><td>4</td><td>5</td></tr> </table>	0	2	0	0	7	4	2	5	4	5	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </table>						
0	2	0	0	7	4	2	5	4	5											
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền															
A	B	C	1	2	3=1x2															
1	Trộn bê tông	100m ³	8,916	1.730.000	15.424.800															
2	Máy xúc	100m ³	7,344	1.425.000	10.465.200															
Cộng tiền hàng:					25.890.000															
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.589.000															
Tổng cộng tiền thanh toán:					28.479.000															
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn./.																				
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																

Kế toán đội căn cứ vào các hoá đơn GTGT để vào bảng thanh toán chứng từ (Biểu 2.18).

Biểu 2.18**Công ty CP XD Bạch Đằng 234**

Số hiệu chứng từ:.....Số TT NKC:.....

BẢNG THANH TOÁN CHỨNG TỪ THÁNG 10 NĂM 2010

CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG THPT THĂNG LONG

Đội thi công: Ông Phí Quang Đam

Số HD	Ngày HD	Đơn vị bán hàng	HHDV	Chứng từ		Giá thanh toán
				Tiền hàng	Tiền thuế	
A	B	C	D	1	2	3=1+2
		1- Chi phí vật tư:				
0002354	02/10/2010	Cty CP xăng dầu Hải Phòng	Dầu diesel	5.004.545	485.455	5.490.000
0000010	08/10/2010	Cty TNHH TMai Hoàn Mỹ	Đá, cát ,bê tông	218.920.000	21.892.000	240.812.000
0000004	08/10/2010	Cty CP TM & Đtr An Việt	Lắp đặt hệ thống PCCC, chống sét	20.700.000	2.070.000	22.770.000
0000004	18/10/2010	Cty Đtr XD&CN Mạnh Trường	Lắp đặt hệ thống ống dẫn nước, thiết bị nhà vệ sinh	35.862.727	3.586.273	39.449.000
0000004	24/10/2010	Cty TNHH cơ khí CKV	Khung hàng rào	35.000.000	3.500.000	38.500.000
		Cộng (1)		315.487.272	31.533.728	347.021.000
		2- Chi phí máy thi công:				
0000009	08/10/2010	Cty CP Xây dựng Đức Trung	Trộn bê tông, máy xúc	25.890.000	2.589.000	28.479.000
		Cộng (2)		25.890.000	2.589.000	28.479.000
		3- Chi phí khác:				
0000073	10/10/2010	Cty TNHH Lôi Châu	Tiếp khách	1.132.000	113.200	1.245.200
0000093	10/10/2010	Cty CP Tiên Phong	Văn phòng phẩm	727.273	72.727	800.000
1683264	20/10/2010	Cty CP điện lực Hải Phòng	Tiền điện T09	1.039.464	103.946	1.143.410
		Cộng (3)		2.898.737	289.874	3.188.610
		Tổng cộng (1+2+3)		344.276.009	34.412.601	378.688.610

Hải Phòng, ngày 31 tháng 10 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán theo dõi

Người thanh toán

Bảng thanh toán chứng từ cùng các chứng từ gốc sẽ được chuyển lên phòng kế toán công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ rồi căn cứ vào bảng thanh toán chứng từ để nhập số liệu vào máy tính. Số liệu vừa nhập vào máy tính sẽ tự động cập nhập sang sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản liên quan, sổ chi tiết theo công trình theo quan hệ đối ứng TK.

Sau đây là trích dẫn những nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến công trình Trường THPT Thăng Long được phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19) và Sổ chi tiết TK 623 (Biểu 2.20). Sau đó, số liệu từ Sổ nhật ký chung được chuyển đến Sổ cái TK 623 (Biểu 2.21).

Biểu 2.19

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Số hiệu tài khoản		Số tiền
Ngày CT	Số hiệu		Nợ	Có	
		Số trang trước chuyển sang(quý IV)			
.....
05/10/2010	PC02	Ô. Học thanh toán mục in máy kế toán	6422	1111	1.050.000
06/10/2010	PT01	Lĩnh tiền gửi NH TMCP Quân Đội nhập quỹ TM	1111	11211	320.000.000
	
09/10/2010	UNC	Ô.Đam vay mua vật tư phục vụ CT Trường THPT Thăng Long	1413	1121	240.812.000
09/10/2010	UNC	NHĐT thu phí chuyên tiền	6427	1121	60.000
09/10/2010	UNC	NHĐT thu phí chuyên tiền	1331	1121	6.000
				
31/10/2010	CF11/10	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	6211	1413	315.487.272
31/10/2010	CF11/10	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1413	31.533.728
				
31/10/2010	CF14/10	O.Đam t/t CF máy CT Trường THPT Thăng Long	623	1413	25.890.000
31/10/2010	CF14/10	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1413	2.589.000
31/10/2010	CF15/10	O.Vũ t/t CF máy CT Quán Triều	623	1413	72.727.273
.....
		Cộng chuyển sang trang sau			
		Cộng lũy kế (quý IV)		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn tài liệu: Trích sổ Nhật ký chung năm 2010)

Biểu 2.20

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S38 -DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 623- chi phí sử dụng máy thi công
Đối tượng : Trường THPT Thăng Long

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày CT	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		-	-
31/10/2010	CF14/10	Ô.Đam t/t CF máy CT Trường THPT Thăng Long	1413	25.890.000	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	154		25.890.000
		Cộng phát sinh :		25.890.000	25.890.000
		Số dư cuối kỳ :			

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 31.tháng 12 năm 2010

GIÁM ĐỐC

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ chi tiết TK 623 Quý IV năm 2010)

Biểu 2.21

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 623

Năm 2010

Tên tài khoản : chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
Ngày CT	Số hiệu				
		Số dư đầu kỳ :		-	-
31/10/2010	CF06/10	O.Huy t/t CF máy CT La Hiên 6	1413	384.010.000	
31/10/2010	CF12/10	O.Thành t/t CF máy CT Quán Triều	1413	68.571.200	
31/10/2010	CF14/10	O.Đam t/t CF máy CT Trường THPT Thăng Long	1413	25.890.000	
31/10/2010	CF15/10	O.Vũ t/t CF máy CT Quán Triều	1413	72.727.273	
30/11/2010	CF18/11	O.Ruê t/t/CF máy khu giặt xường 8 Youngone	1413	25.190.000	
30/11/2010	CF20/11	O.Đam t/t CF máy CT Quán Triều	1413	10.500.000	
31/12/2010	CF17/12	O.Đam t/t CF máy CT Quán Triều	1413	152.636.373	
31/12/2010	CF18/12	O.Thành t/t CF máy CT Quán Triều	1413	159.357.273	
31/12/2010	CF21/12	O.Văn t/t CF máy CT Quán Triều	1413	120.467.932	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD	154		1.019.350.051
		Cộng phát sinh :		1.019.350.051	1.019.350.051
		Số dư cuối kỳ :		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 623 quý IV năm 2010)

2.2.3.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình)

Chi phí sản xuất chung hoạt động xây lắp của Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 bao gồm :

- + các khoản trích theo lương
- + Các chi phí vật liệu dùng cho quản lý.
- + Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + Các khoản chi phí khác bằng tiền phục vụ sản xuất sản phẩm xây lắp.
- Chứng từ sử dụng : Hóa đơn GTGT dịch vụ mua ngoài....
- Tài khoản sử dụng : TK 627- chi phí sản xuất chung
- Sổ sách sử dụng : sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 627, Sổ Chi tiết TK627...
- Quá trình hạch toán chi phí sản xuất chung được diễn ra như sau:

VD : Ngày 20/10/2010 thanh toán tiền điện tháng 09 phục vụ CT Trường THPT Thăng Long , số tiền là 1.144.000 (bao gồm thuế VAT 10%)

Biểu 2.22

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT Mẫu số :01GTKT-2LN-01

(Liên 2 : Giao cho khách hàng) Ký hiệu :NV/2010

Số : 1683264

CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG Khách hàng : Công ty CP XD Bạch Đằng 234

Địa chỉ : Q. Hồng Bàng- TP. Hải Phòng Địa chỉ : Trường Chinh- Kiến An-HP

Điện thoại : 031.221.0206 MST : 0200742545

Số TK : Từ ngày 20-09-2010 Đến ngày 20-10-2010

Số công tơ : 023013

MST : 0200288314

Mã KH : 000853105

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền	
4050	3634	1 Trong đó	416	2.500	1.040.000	
Ngày 20/10/2010 CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG Chủ nhiệm <i>Nguyễn Việt Xuân</i>						
		Cộng				1.040.000
		Thuế suất GTGT (10%)				104.000
		Tổng cộng				1.144.000
		Bằng chữ : <i>một triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn</i>				

Biểu 2.23

Đơn vị : CT CP XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ : 2B Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

Mẫu số:02-TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI
Ngày 20 Tháng 10 Năm 2010

Số: 23*Nợ: 1413**Nợ :1331**Có: 1111*

Họ, tên người nhận tiền: Phí Quang Đam
Địa chỉ : Chủ hạng mục công trình Trường THPT Thăng Long
Lý do chi: Thanh toán tiền điện T09 phục vụ CT Trường THPT Thăng Long
Số tiền : 1.144.000
Bằng chữ: **Một triệu một trăm bốn ba nghìn bốn trăm mười đồng chẵn./.**
Kèm theo ...01... chứng từ gốc: HĐ1683264
Giấy giới thiệu số Ngày...

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

VD : Ngày 10/10/2010, Ông Đam chi tiếp khách phục vụ CT Trường THPT Thăng Long, số tiền là 1.245.200 đồng (bao gồm VAT 10%).

Biểu 2.24

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT -3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/2010B			
(Liên 2: Giao cho khách hàng)		0000073			
Ngày 10 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng:.....	Công ty TNHH Lôi Châu			
Địa chỉ:.....	382 Văn Cao, TP Hải Phòng			
Số tài khoản:.....	MST: 0200531617			
Điện thoại:.....				
Họ tên người mua hàng: Phí Quang Đam					
Tên đơn vị: Công ty CP Xây dựng Bạch Đằng 234					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: TM MS: 0200742545					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Chi tiếp khách				1.132.000
Cộng tiền hàng:					1.132.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					113.200
Tổng cộng thanh toán:					1.245.200
Số tiền viết bằng chữ : một triệu hai trăm bốn năm nghìn hai trăm đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

Biểu 2.25

Đơn vị : CT CP XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ : 2B Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI
Ngày 10 Tháng 10 Năm 2010

Số: 19

Nợ: 1413

Nợ : 1331

Có: 1111

Họ, tên người nhận tiền: Phí Quang Đam
Địa chỉ : Chủ hạng mục công trình Trường THPT Thăng Long
Lý do chi: Chi tiếp khách
Số tiền : 1.245.200
Bằng chữ: Một triệu hai trăm bốn năm nghìn hai trăm đồng chẵn./.
Kèm theo ...01... chứng từ gốc: HĐ0000073
Giấy giới thiệu số Ngày...

Ngày 10 tháng 10 năm 2010

Giám đốc <i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	--	---	---------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Căn cứ vào các chứng từ ban đầu phát sinh trực tiếp tại công trình như các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng, phiếu chi... kế toán đội tập hợp vào Bảng thanh toán chứng từ tháng 10/2010 (Biểu 2.26).

Biểu 2.26**Công ty CP XD Bạch Đằng 234**

Số hiệu chứng từ:.....Số TT NKC:.....

BẢNG THANH TOÁN CHỨNG TỪ THÁNG 10 NĂM 2010

CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG THPT THĂNG LONG

Đội thi công: Ông Phí Quang Đam

Số HD	Ngày HD	Đơn vị bán hàng	HHDV	Chứng từ		Giá thanh toán
				Tiền hàng	Tiền thuế	
A	B	C	D	1	2	3=1+2
		1- Chi phí vật tư:				
0002354	02/10/2010	Cty CP xăng dầu Hải Phòng	Dầu diesel	5.004.545	485.455	5.490.000
0000010	08/10/2010	Cty TNHH TMai Hoàn Mỹ	Đá, cát ,bê tông	218.920.000	21.892.000	240.812.000
0000004	08/10/2010	Cty CP TM & Đtr An Việt	Lắp đặt hệ thống PCCC, chống sét	20.700.000	2.070.000	22.770.000
0000004	18/10/2010	Cty Đtr XD&CN Mạnh Trường	Lắp đặt hệ thống ống dẫn nước, thiết bị nhà vệ sinh	35.862.727	3.586.273	39.449.000
0000004	24/10/2010	Cty TNHH cơ khí CKV	Khung hàng rào	35.000.000	3.500.000	38.500.000
		Cộng (1)		315.487.272	31.533.728	347.021.000
		2- Chi phí máy thi công:				
0000009	08/10/2010	Cty CP Xây dựng Đức Trung	Trộn bê tông, máy xúc	25.890.000	2.589.000	28.479.000
		Cộng (2)		25.890.000	2.589.000	28.479.000
		3- Chi phí khác:				
0000073	10/10/2010	Cty TNHH Lôi Châu	Tiếp khách	1.132.000	113.200	1.245.200
0000093	10/10/2010	Cty CP Tiên Phong	Văn phòng phẩm	727.273	72.727	800.000
1683264	20/10/2010	Cty CP điện lực Hải Phòng	Tiền điện T09	1.040.000	104.000	1.144.000
		Cộng (3)		2.899.273	289.927	3.189.200
		Tổng cộng (1+2+3)		344.276.545	34.412.655	378.689.200

Hải Phòng, ngày 31 tháng 10 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán theo dõi

Người thanh toán

Kế toán đội sẽ chuyển bảng thanh toán chứng từ cùng các chứng từ gốc lên phòng kế toán công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ sau đó tổng hợp số liệu và nhập vào máy tính. Số liệu vừa nhập vào máy tính sẽ tự động cập nhập sang sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản liên quan, sổ chi tiết theo công trình theo quan hệ đối ứng TK.

Sau đây là trích dẫn những nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến công trình Trường THPT Thăng Long được phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.27) và sổ Chi tiết tài khoản 627 (Biểu 2.28) sau đó vào sổ Cái TK627 (Biểu 2.29).

Biểu 2.27

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Số hiệu tài khoản		Số tiền
Ngày CT	Số hiệu		Nợ	Có	
		Số trang trước chuyển sang(Quý IV)			
.....
10/10/2010	PC19	Vay chi tiếp khách CT Trường THPT Thăng Long	1413	1111	1.132.000
10/10/2010	PC19	Vay chi tiếp khách CT Trường THPT Thăng Long	1331	1111	113.200
				
20/10/2010	PC23	Thanh toán tiền điện T09 CT Trường THPT Thăng Long	1413	1111	1.040.000
20/10/2010	PC23	Thanh toán tiền điện T09 CT Trường THPT Thăng Long	1331	1111	104.000
				
31/10/2010	CF07/10	Ô.Đam t/t CF khác CT Trường THPT Thăng Long	6278	1413	2.898.737
31/10/2010	CF07/10	Thuê GTGT được khấu trừ	1331	1413	289.873
				
31/10/2010	CF11/10	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	6211	1413	315.487.272
31/10/2010	CF11/10	Thuê GTGT được khấu trừ	1331	1413	31.533.728
				
31/10/2010	CF20/10	Ô.Đam t/toán CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	6221	3341	48.732.000
31/10/2010	CF23/10	O.Huy t/t CF nhân công CT CV5 Dung Quat	6221	3341	573.935.682
.....
		Cộng chuyển sang trang sau			
		Cộng lũy kế (Quý IV)		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Nguồn tài liệu: Trích sổ Nhật ký chung năm 2010)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Biểu 2.28

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S38 -DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 627- chi phí sản xuất chung
Đối tượng : Trường THPT Thăng Long

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày CT	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
31/10/2010	CF11/10	Ô.Đam t/t CF khác CT Trường THPT Thăng Long	1413	2.899.273	
30/11/2010	CF17/11	Ô.Đam t/t CF khác CT Trường THPT Thăng Long	1413	4.163.450	
31/12/2010	CF10/12	Ô.Đam t/t CF khác CT Trường THPT Thăng Long	1413	13.098.725	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	154		20.161.448
		Cộng phát sinh:		20.161.448	20.161.448
		Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31.tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ chi tiết TK 627 Quý IV năm 2010)

Biểu 2.29

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 627

Năm 2010

Tên tài khoản : chí phí sản xuất chung

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
Ngày CT	Số hiệu				
		Số dư đầu kỳ :		-	--
				
31/10/2010	CF7/10	Ô.Đam t/t CF khác CT Trường THPT Thăng Long	1413	2.898.737	
30/11/2010	CF19/11	O.Hoàn t/t chi phí khác khu giặt xường 8 Youngone	1413	19.683.194	
30/11/2010	CF20/11	O.Đam t/t CF khác CT Trường THPT Thăng Long	1413	4.163.450	
				
31/12/2010	BK09/12	Báo nợ Ô.Văn-XM Quán Triều tiền cấp pha	1413	137.692.000	
31/12/2010	BK28/12	Trích BHXH Q4/2010 Ô.Đam CT Trường THPT Thăng Long	3383	4.671.360	
31/12/2010	BK29/12	Trích BHYT Q4/2010 Ô. Đam CT Trường THPT Thăng Long	3384	875.880	
31/12/2010	BK30/12	Trích BHTN Q4/2010 Ô. Đam CT Trường THPT Thăng Long	3389	291.960	
				
31/12/2010	CF01/12	O.Đam t/t CF khác CT Trường THPT Thăng Long	1413	6.970.188	
31/12/2010	CF02/12	Cty XD 203 cho Ô.Kiên CT La Hiên 4 thuê giáo	131	8.869.091	
				
31/12/2010	CF12/12	O.Tuân t/t CF khác CT La Hiên 6	1413	24.285.190	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD	154		5.635.067.871
				
		Cộng phát sinh :		5.635.067.871	5.635.067.871
		Số dư cuối kỳ :		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 627 Quý IV năm 2010)

2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

2.2.4.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Ở công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp chi phí so sánh, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán để kiểm tra độ chính xác sau đó tiến hành tổng hợp chi phí thực tế phát sinh.

Số liệu từ các sổ chi tiết tài khoản được kế toán chuyển đến Bảng tổng hợp chi phí sản xuất.

Biểu 2.30: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất

CÔNG TY CP XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

Công trình: Trường THPT Thăng Long

Đơn vị tính: VND

TT		CPNVLT	CPNCTT	CPSDMTC	CPSXC	Tổng cộng
1	Quý I	311.899.338	67.341.000	68.571.200	7.970.188	455.781.726
2	Quý II	1.080.652.659	174.284.000	86.534.100	24.285.190	1.365.755.949
3	Quý III	926.350.681	135.163.000	75.316.273	23.318.045	1.157.558.999
4	Quý IV	746.073.722	125.596.000	25.890.000	20.161.448	917.721.170
	Tổng cộng	3.064.976.400	502.384.000	256.311.573	75.734.871	3.899.406.844

Số liệu này được sử dụng làm căn cứ để ghi vào bảng tổng hợp giá thành sản phẩm công trình trường THPT Thăng Long Quý IV/2010

2.2.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty

Sản phẩm làm dở của xí nghiệp chính là các công trình, hạng mục công trình mà đến cuối thời kỳ hạch toán vẫn còn trong giai đoạn thi công chưa hoàn thành bàn giao. Mục đích nhằm xác định giữa khối lượng đã làm được với chi phí sản xuất bỏ ra có phù hợp không, chi phí bỏ ra vượt so với khối lượng thừa hay khối lượng lớn hơn chi phí để từ đó có những biện pháp quản lý.

Đến cuối mỗi quý cán bộ kỹ thuật, đội trưởng công trình có nhiệm vụ xác

định khối lượng dở dang của từng công trình trên cơ sở căn cứ vào nhật ký thi công, điểm dừng kỹ thuật, bản vẽ thi công để từ đó tính toán ra số lượng đã thi công, đó chính là khối lượng thi công dở dang (như căn cứ vào khối lượng đó và dựa vào định mức để xác định mức tiêu hao của từng loại vật liệu đã cấu tạo nên thực thể của công trình). Cán bộ kỹ thuật định đơn giá phù hợp với từng công việc của từng công trình cụ thể và tính ra chi phí dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ cùng các tài liệu liên quan khác gửi sang phòng kế toán để xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ, theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán.

Đối với công trình Trường THPT Thăng Long, giá trị hợp đồng là 4.249.827.562 đồng. Công trình đã nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng nên tại thời điểm công trình hoàn thành không còn sản phẩm dở dang.

Biểu 2.31

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số:S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Số hiệu tài khoản		Số tiền
Ngày CT	Số hiệu		Nợ	Có	
		Số trang trước chuyển sang(quý IV)			
.....
05/10/2010	PC02	Ô. Học thanh toán mức in máy kế toán	6422	1111	1.050.000
06/10/2010	PT01	Lĩnh tiền gửi NH TMCP Quân Đội nhập quỹ TM	1111	11211	320.000.000
	
31/10/2010	CF11/10	Ô.Đam t/t CF vật tư CT Trường THPT Thăng Long	6211	1413	315.487.272
31/10/2010	CF11/10	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1413	31.533.728
				
31/10/2010	CF20/10	Ô.Đam t/toán CF nhân công CT Trường THPT Thăng Long	6221	3341	48.732.000
31/10/2010	CF23/10	O.Huy t/t CF nhân công CT CV5 Dung Quat	6221	3341	573.935.682
				
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu	154	6211	37.454.712.389
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154	6221	5.791.815.022
31/12/2010	BSQT12	Kết chuyển chi phí máy thi công	154	623	1.019.350.051
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển chi phí sx chung	154	6278	5.635.067.871
31/12/2010	GV05/12	Giá vốn công trình Trường THPT Thăng Long	632	154	3.899.406.844
.....
		Cộng chuyển sang trang sau			
		Cộng lũy kế (quý IV)		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Nguồn tài liệu: Trích sổ Nhật ký chung năm 2010)

Biểu 2.32

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số: S38 -DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
Đối tượng : Trường THPT Thăng Long

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày CT	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		2.981.685.674	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	6211	746.073.722	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	6221	125.596.000	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	623	25.890.000	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	6278	20.161.448	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển CPSXDD CT Trường THPT Thăng Long	632		3.899.406.844
		Cộng phát sinh:		917.721.170	3.899.406.844
		Số dư cuối kỳ :		-	

Ngày 31.tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Nguồn tài liệu: Trích sổ chi tiết TK 154 Quý IV năm 2010)

Biểu 2.33

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 154

Năm 2010

Tên tài khoản : chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
Ngày CT	Số hiệu				
		Số dư đầu kỳ :		3.129.664.408	
31/12/2010	GV01/12	Giá vốn công trình XM Hạ Long	632		1.050.144.593
31/12/2010	GV02/12	Giá vốn bán bê tông La Hiên 6-Sôlavina	632		441.806.790
31/12/2010	GV03/12	Giá vốn KLHT đợt 6 La Hiên 6	632		10.522.859.453
31/12/2010	GV04/12	Giá vốn KLHT đợt 2 NM XM Quán Triều	632		16.788.839.744
31/12/2010	GV05/12	Giá vốn công trình trường THPT Thăng Long	632		3.899.406.844
				
31/12/2010	GV08/12	Giá vốn khu giặt xường 8 Youngone Nam Định	632		276.865.223
31/12/2010	GV09/12	Giá vốn bê tông Quán Triều-cty Sôlavina	632		145.664.571
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu	6211	37.454.712.389	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	6221	5.791.815.022	
31/12/2010	BSQT12	Kết chuyển chi phí máy thi công	623	1.019.350.051	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển chi phí sx chung	6278	5.635.067.871	
				
31/12/2010	BSQT	Giảm giá vốn CT kho bạc HP thiếu trừ theo QT thuế	4212		-38.605.892
31/12/2010	BSQT	Giảm giá vốn CT La Hiên 3 thiếu trừ theo QT thuế	4212		-13.111.438
31/12/2010	BSQT	Giảm giá vốn CT Na Dương do loại thuế vào QT 2008	4212		-5.265.100
31/12/2010	BSQT	Kết chuyển TK 6211	6211	-742.288.528	
		Cộng phát sinh :		46.158.656.805	32.247.123.719
		Số dư cuối kỳ :		17.041.197.494	

Ngày 31.tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 154 Quý IV năm 2010)

2.2.4.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Từ những chi phí thực tế phát sinh trong Quý, chi phí khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ, cuối kỳ đã tập hợp và tính toán được kế toán tiến hành tính giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao theo công trình, hạng mục công trình theo công thức: (công ty tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn)

$$\begin{array}{r} \text{Giá thành thực} \\ \text{tế của sản phẩm} \\ \text{xây lắp hoàn} \\ \text{thành, bàn giao} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của khối lượng} \\ \text{xây lắp dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KL xây lắp} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Khi công trình hoàn thành, bàn giao thì đại diện của đội, đại diện của công ty cùng đại diện bên chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng công trình theo hợp đồng ký giữa công ty và bên chủ đầu tư. Sau đó lập biên bản nghiệm thu công trình.

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành, bảng tổng hợp chi phí của từng công trình kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm công trình.

Biểu 2.34

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234

Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM CÔNG TRÌNH

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Mã SP	Tên SP- công trình	Chi phí dở dang đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ					Chi phí dở dang cuối kỳ	Giá vốn tiêu thụ trong kỳ
			CPNVLTT	CPNCTT	CPMTC	CPSXC	Tổng cộng		
....
SP-05	Trường THPT Thăng Long	2.981.685.674	746.073.722	125.596.000	25.890.000	20.161.448	917.721.170	-	3.899.406.844
SP-15	KLHT đợt 6 CT La Hiên	52.192.056	7.790.553.253	1.921.599.300	384.010.000	374.504.844	10.522.859.453	-	10.522.859.453
SP-20	KLHT đợt 2 CT NM XM Quán Triều	72.621.286	10.510.913.338	3.144.958.741	606.450.051	1.554.489.484	15.889.432.900	-	15.889.432.900
SP-21	Khu giặt xường 8 Youngone Nam Định	12.165.392	168.505.338	51.321.299	25.190.000	19.683.194	264.699.831	-	276.865.223
SP-32	CT XM Hạ Long	-	801.593.076	212.457.824	-	36.093.693			1.050.144.593
SP-35	Cột cao áp CA Hải Dương	-	24.432.956	5.355.677	-	3.056.752			32.845.385
...
Tổng cộng		3.118.664.408	19.071.469.607	5.791.815.022	1.019.350.051	3.352.956.334	32.354.255.422		32.354.255.422

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đối với công trình trường THPT Thăng Long, Đội xây dựng số 4 nhận khoán gọn của công ty số tiền là: 3.952.339.633 đồng. Nhưng tổng chi phí sản xuất của công trình là : 3.899.406.844 đồng. Như vậy số tiền chênh lệch giữa số nhận khoán và số thực tế phát sinh là: 52.932.789 đồng chính là lợi nhuận của đội, đội phải nộp 25% thuế TNDN trên số lợi nhuận của công trình.

Biểu 2.35

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Số 2B- Trường Chinh- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632

Năm 2010

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
Ngày CT	Số hiệu				
		Số dư đầu kỳ :		-	
31/12/2010	GV01/12	Giá vốn công trình XM Hạ Long	154	1.050.144.593	
31/12/2010	GV02/12	Giá vốn bán bê tông La Hiên 6-Sôlavina	154	441.806.790	
31/12/2010	GV03/12	Giá vốn KLHT đợt 6 La Hiên 6	154	10.522.859.453	
31/12/2010	GV04/12	Giá vốn KLHT đợt 2 NM XM Quán Triều	154	15.889.432.900	
31/12/2010	GV05/12	Giá vốn công trình trường THPT Thăng Long	154	3.899.406.844	
31/12/2010	GV06/12	Giá vốn cột cao áp công an Hải Dương	154	32.845.385	
31/12/2010	GV07/12	Giá vốn bê tông La Hiên 6- Cty LILAMA 69	154	52.918.095	
31/12/2010	GV07/12	Giá vốn cấp vật tư Cty XD 203 La Hiên 4	154	42.311.568	
31/12/2010	GV08/12	Giá vốn khu giặt xường 8 Youngone Nam Định	154	276.865.223	
31/12/2010	GV09/12	Giá vốn bê tông Quán Triều-cty Sôlavina	154	145.664.571	
31/12/2010	BKQT12	Kết chuyển TK911	911		32.354.255.422
		Cộng phát sinh :		32.354.255.422	32.354.255.422
		Số dư cuối kỳ :		-	-

Ngày 31.tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 632 Quý IV năm 2010)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234****3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234.**

Cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất nói chung và công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 nói riêng đã phải vượt qua những khó khăn ban đầu. Trong những năm đầu doanh thu từ hoạt động xây lắp của công ty mang lại chiếm tỷ trọng nhỏ. Nhưng từ khi cơ chế kinh tế thay đổi, hoạt động xây dựng cơ bản của công ty đã mang lại doanh thu lớn cho công ty. Các đơn vị trực thuộc công ty đã năng động, với đội ngũ đông đảo những kỹ sư và công nhân lành nghề đã thi công và hoàn thiện nhiều hạng mục công trình quan trọng, đã thiết lập nên uy tín và thu hút được nhiều nhà chỉ định thầu.

Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 hoạt động với tinh thần mới mẻ cả về phương hoạch toán kế toán lẫn chế độ kế toán đang áp dụng. Với xu hướng đó, một đóng góp không nhỏ là công tác kế toán, công tác cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra quyết định đã góp phần vào thông tin kịp thời cho lãnh đạo có hướng đi đúng.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 nói riêng đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty như sau:

3.1.1. Những ưu điểm

Thứ nhất :Về bộ máy quản lý của công ty CP XD Bạch Đằng 234:

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng của Công ty thực sự là cơ quan tham mưu giúp việc cho Giám Đốc một cách có hiệu quả, giúp cho

lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý kế toán khoa học, hợp lý và có hiệu quả phù hợp với tính chất đặc điểm của ngành xây lắp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh công ty đã không ngừng nâng cao trình độ sản xuất, quản lý công nghệ, ký kết nhiều hợp đồng và thi công nhiều công trình lớn. Công ty luôn tìm tòi khảo nghiệm cải tiến hợp lý hoá sản xuất và quy trình công nghệ sản phẩm góp phần nâng cao chất lượng các công trình và ngày càng khẳng định được uy tín của Công ty trong lĩnh vực xây lắp. Để có được những thành tựu như hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên trong công ty tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi, học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh hơn.

Hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế công nghiệp, nhu cầu về lĩnh vực xây dựng cơ bản là một nhu cầu quan trọng và luôn đi đôi với sự phát triển của Đất nước. Công ty đã nhận thức đúng đắn đường lối chủ trương phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, vận dụng sáng tạo các quy luật của thị trường. Vì vậy đã vượt qua được những khó khăn thử thách và không ngừng phấn đấu đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty được cải thiện nâng cao.

Thứ hai : Về bộ máy kế toán:

Với bộ máy kế toán gọn nhẹ, quy trình kế toán hợp lý và đội ngũ kế toán có chuyên môn cao...hình thức kế toán kiêm nhiệm đã tạo điều kiện cho việc nâng cao chuyên môn và khả năng tổng hợp của kế toán. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và chịu trách nhiệm về một hay một số phần hành kế toán nhất định nào đó nhưng tất cả đều tạo sự chỉ đạo toàn diện, thống nhất và tập trung của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của các nhân viên kế toán khác, đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm chung trước những sai sót xảy ra trong hạch toán kế toán. Như vậy, công tác kế toán của Công ty sẽ giảm thiểu được tối đa những sai sót do nhầm lẫn hoặc gian lận gây nên, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các

bộ phận. Về tổ chức công tác kế toán, nhìn chung chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lệ đầy đủ. Cách thức hạch toán của công ty nói chung khá hữu hiệu, phù hợp với chế độ kế toán mới.

Trong công ty có sự phân chia công việc và phối hợp công việc giữa các nhân viên kế toán phòng tài chính kế toán và nhân viên kế toán các đội đã góp phần giảm khối lượng công việc, đặc biệt có hiệu quả trong việc kế toán chi phí tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Thứ ba: Về hình thức sổ sách kế toán, chứng từ, phương pháp hạch toán tại Công ty CP Xây dựng Bạch Đằng 234:

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ dễ theo dõi. Dựa trên đặc điểm riêng của công ty, quy mô và địa bàn hoạt động rộng cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp. Cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu, nguyên tắc của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty đã tổ chức vận dụng chế độ kế toán doanh nghiệp một cách linh hoạt và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị xây lắp. Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cùng các biểu mẫu chứng từ ,sổ sách kế toán, công ty đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách ghi chép khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán, tổ chức công tác kế toán quản trị, kế toán tài chính rõ ràng... giảm bớt khối lượng công việc ghi sổ kế toán, đáp ứng được đầy đủ thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của công ty và các đối tượng khác có liên quan.

Hiện nay Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ Tài Chính, các chứng từ được kiểm tra luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Thứ tư: Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

➤ ***Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:***

Các vật liệu quan trọng có giá trị lớn thì công ty tổ chức tìm nguồn hàng, ký

kết hợp đồng mua rồi vận chuyển đến tận chân công trình, còn lại đội chủ động mua tùy theo yêu cầu thực tế của công trình. Như vậy công ty đã tiết kiệm được chi phí kho bãi, chi phí bảo quản vật liệu, chi phí vận chuyển từ kho bãi đến công trường. Điều này phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty, bởi vì công trình thi công thường ở xa so với hệ thống kho bãi, nhu cầu nguyên vật liệu cho từng công trình khác nhau thì lại rất khác nhau. Đồng thời, với sự phát triển nhanh về vật liệu mới trong xây dựng, việc dự trữ vật liệu sẽ là không hiệu quả, có khi lại gây ra sự không đồng bộ dẫn đến ứ đọng vốn, tăng chi phí bảo quản.

➤ *Đối với chi phí nhân công trực tiếp:*

Công ty sử dụng hình thức khoán gọn các công việc thủ công cho lao động tại địa phương nơi thi công công trình mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao trách nhiệm, ý thức tự giác cho người lao động. Đây là một hình thức quản lý hợp lý, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, vốn và hạ giá thành sản phẩm. Phương pháp khoán trong xây dựng cơ bản tạo điều kiện gắn lợi ích của người lao động với chất lượng và tiến độ thi công, xác định rõ trách nhiệm vật chất với từng cá nhân trên cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo và khả năng hiện có của công ty.

Việc hạch toán cũng thuận lợi hơn vì công ty không phải quản lý, trả lương cho các đối tượng này đồng thời tiết kiệm được chi phí đi lại, phụ cấp cho công nhân khi phải đi xa.

➤ *Đối với chi phí sản xuất chung:*

Chi phí phát sinh tại công trình nào thì tính trực tiếp cho công trình đó.

Những ưu điểm trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đã có ảnh hưởng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm xây lắp. Điều này đã góp phần làm tăng lợi nhuận cho xí nghiệp.

3.1.2. Những nhược điểm

Thứ nhất : Về công tác quản lý.

Việc tổ chức quản lý chưa được chặt chẽ, toàn diện, vì thế giá thành sản phẩm chưa phản ánh đúng bản chất của nó. Việc khoán sản phẩm đi đôi với

khoán nguyên vật liệu, giờ công là khá hiệu quả. Tuy nhiên vẫn còn kẽ hở về chi phí nguyên vật liệu do Đội tự mua theo nhu cầu sản xuất. Phần nguyên vật liệu này có thể làm cho giá thành sản phẩm là có phần cao hơn hoặc chất lượng chưa được đảm bảo... nếu như các Đội không có được nguồn cung cấp với giá hợp lý hoặc mua nguyên vật liệu không đảm bảo chất lượng.

Thứ hai: về công tác kế toán của công ty.

- Về công tác luân chuyển chứng từ:

Công ty có địa bàn hoạt động rộng, các công trình thi công được tiến hành ở khắp các địa phương, các tỉnh thành nên việc luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng Tài chính - kế toán công ty vẫn còn sự chậm trễ. Dẫn đến khối lượng công việc dồn đến cuối kỳ. Nhiều khi việc phản ánh chi phí phát sinh của công trình thi công là không kịp thời do các đội thi công chuyển chứng từ hoàn chi phí lên không đầy đủ thường dẫn đến sai sót, kém chính xác, không đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý nói chung và quản lý chi phí giá thành nói riêng. Tại công ty đã có những sai sót không đáng có như ghi thiếu, ghi nhầm làm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo ra quyết định và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thứ ba: Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Công ty giao khoán toàn bộ chi phí sản xuất cho các đội, điều đó có thể tạo cho các đội có thể kê khai chi phí không chính xác. Một thực trạng thường thấy ở các đội là họ kê khai chi phí lớn hơn hoặc bằng với mức giao khoán để đội lỏ nên không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Có thể xảy ra tình trạng xí nghiệp ghi tăng chi phí nhân công trực tiếp vì chứng từ để hạch toán chi phí này là hợp đồng thuê khoán nhân công và biên bản thanh lý hợp đồng lao động.

➤ ***Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:***

Công ty chưa quan tâm đến phế liệu thu hồi, nguyên vật liệu tồn cuối kỳ chưa sử dụng hết cũng là nguyên nhân gây tình trạng lãng phí vật tư, thể hiện sự thiếu chặt chẽ trong công tác quản lý

➤ ***Đối với chi phí nhân công trực tiếp:***

Công ty hạch toán toàn bộ chi phí nhân công vào tài khoản 622. không

phân biệt là công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân điều khiển máy thi công hay nhân viên quản lý đội. Điều này trái với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành và đẩy chi phí nhân công lên cao, giảm chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung. Từ đó làm thay đổi cơ cấu chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Gây khó trong công tác quản lý, đặc biệt là khi kế toán tiến hành phân tích các khoản mục chi phí để tìm ra biện pháp giảm chi phí, hạ giá thành.

➤ *Đối với chi phí sản xuất chung:*

Tiền lương của công nhân quản lý đội không hạch toán vào TK 627- chi phí sản xuất chung mà lại hạch toán vào TK 622- chi phí nhân công trực tiếp là không đúng quy định. Việc hạch toán như vậy không những dẫn đến sự thay đổi kết cấu chi phí sản xuất trong tổng giá thành sản phẩm mà còn dẫn đến sự thay đổi kết cấu chi phí sản xuất trong chi phí sản xuất chung. Gây khó khăn trong công tác quản lý, và tìm biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

Các chứng từ thuộc khoản mục này do phát sinh nhiều mà giá trị lại không lớn nên kế toán công trường thường lơ lửng trong việc tập hợp và nộp lên phòng kế toán của công ty.

Kế toán đội chưa tách được rõ các khoản trong chi phí sản xuất chung, mà tập hợp chung vào TK 6278- chi phí bằng tiền khác. Hạch toán như vậy sẽ khó cho việc kế toán công ty kiểm tra, đối chiếu, thường xảy ra tình trạng khai tăng chi phí.

➤ *Đối với việc tính giá thành sản phẩm:*

Một vấn đề quan trọng cần được quan tâm trong việc tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty là giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp tại công ty chính bằng tổng chi phí thực tế phát sinh từ khi khởi công công trình đến khi hoàn thành bàn giao. Vì vậy khả năng xảy ra tình trạng chi vượt dự toán gây lỗ cho công trình là khá cao.

3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Hạch toán kế toán là một biện pháp cấu thành nên hệ thống quản lý của Doanh nghiệp, đồng thời nó cũng là công cụ đắc lực của Nhà nước trong công việc quản lý và chỉ đạo nền kinh tế quốc dân.

Để đảm bảo chức năng quản lý, giám sát một cách toàn diện và có hệ thống mọi hoạt động kinh tế tài chính của Doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, hệ thống tài chính kế toán phải thực hiện đúng quy định thống nhất, phù hợp, khoa học khách quan và thích hợp với yêu cầu quản lý của đơn vị.

Mặt khác, mục tiêu theo đuổi của hầu hết các DN là lợi nhuận. DN luôn luôn tạo mọi biện pháp, nỗ lực phấn đấu để nâng cao khả năng cạnh tranh và thu được lợi nhuận cao nhất. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của DN trong đó chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một nhân tố có ảnh hưởng rất lớn. Tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với nhiều DN. Góp phần giải quyết những vấn đề đó của DN công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm cần phải được quan tâm và không ngừng đổi mới hoàn thiện.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234

Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác tổ chức hạch toán kế toán của công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, xuất phát từ thực tế công ty và lý luận được nghiên cứu em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty như sau:

Kiến nghị 1: Về công tác quản lý.

- Công ty cần tổ chức quản lý chi phí chặt chẽ, toàn diện. Kế toán cần quản lý trên cơ sở xây dựng khung giá hợp lý đối với từng loại chi phí cho toàn công ty trong từng thời kỳ, nắm chắc giá cả thị trường để đối chiếu, kiểm tra hoá đơn, chứng từ do đội chuyển lên.

- Xây dựng chế độ thưởng phạt rõ ràng đối với các cán bộ nhân viên quản lý công ty. Xây dựng cơ chế quản lý và phân phối quỹ tiền lương và thu nhập cho người lao động một cách công bằng và hợp. Đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty là rất quan trọng, quyết định sự thành bại trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy phải thường xuyên nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ bằng cách cử cán bộ đi học nghiệp vụ ngắn hạn, dài hạn.

Kiến nghị 2: Công tác kế toán.

- Công tác luân chuyển chứng từ :

Công ty nên quy định rõ về kỳ luân chuyển chứng từ và có biện pháp đơn độc việc luân chuyển chứng từ từ phía kế toán đội, mà biện pháp tốt nhất đó là thực hiện về mặt tài chính. Xuất phát từ hình thức khoán của công ty là công ty tiến hành cho các đội tạm ứng tiền để tự lo nguyên vật liệu, nhân công thuê ngoài... cho nên để khắc phục những trệ trễ trong việc luân chuyển chứng từ, công ty cần thực hiện nghiêm túc quy định các đơn vị phải nộp đầy đủ chứng từ lần này mới được cho tạm ứng tiếp.

Kiến nghị 3: Biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

Việc giao khoán toàn bộ chi phí sản xuất cho xí nghiệp làm cho công ty không giám sát chặt chẽ được quá trình phát sinh chi phí.

➤ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Do đặc điểm của ngành xây dựng là địa bàn hoạt động rộng và xa nên công ty giao cho chỉ huy trưởng công trình quyền chủ động trong việc lập kế hoạch mua vật tư phục vụ kế hoạch thi công công trình. Nguyên vật liệu được mua về đến tận chân công trình, để vào kho công trình.

Hiện nay phòng kế toán dựa vào các hóa đơn đội xây dựng gửi về sau đó tiến hành vào sổ sách. Như vậy tất cả nguyên vật liệu mua về phục vụ công trình trong quý coi như xuất dùng hết cho công trình. Trên thực tế không phải lúc nào nguyên vật liệu cũng được sử dụng hết trong kỳ và việc hạch toán như vậy sẽ làm tăng chi phí nguyên vật liệu của công trình trong quý so với thực tế sử dụng.

Để khắc phục nhược điểm này, công ty nên yêu cầu nhân viên kế toán đội xây dựng lập phiếu nhập kho khi mua về và lập phiếu xuất kho khi xuất nguyên vật liệu.

Căn cứ vào phiếu nhập, xuất nguyên vật liệu nhân viên kinh tế đội xây dựng lập sổ chi tiết theo dõi vật tư công trình trong quý theo bảng chi tiết nguyên vật liệu, bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu sau đó gửi về công ty kèm chứng từ gốc. Trên cơ sở đó, kế toán theo dõi công trình có thể tính toán chính xác hơn chi phí nguyên vật liệu cho công trình đó.

Bên cạnh đó công ty nên yêu cầu chỉ huy trưởng công trình tiến hành kiểm kê vật tư vào cuối quý để xác định số nguyên vật liệu còn tồn kho để làm cơ sở giảm chi phí NVLTT, việc làm này giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn vật liệu tại kho công trình hạn chế việc hao hụt, mất mát cũng như có cơ sở xác đáng để thực hiện việc quy trách nhiệm bồi thường cho người có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU,..

Công trình: Trường THPT Thăng Long

Quý IV năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Số hiệu	Ngày CT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
			Dư đầu kỳ								
			Nhập...								
			Xuất...								
			Cộng phát sinh								
			Dư cuối kỳ								

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Công trình : Trường THPT Thăng Long

Thời gian kiểm kê: 31/12/2010

Thành viên trong ban kiểm kê:

- Ông Phí Quang Đam (chủ hạng mục)
- Ông Ngô Quang Trung (tổ trưởng)
- Ông (thủ kho)

Đã kiểm kê vật tư tại chân công trình có những vật tư dưới đây:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch	
				SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Xi măng	Tấn	...						
2	Sắt	Kg	...						
3	Thép	Kg	...						
....								
	Cộng	

➤ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

Công ty cần xem xét và điều chỉnh theo đúng quy định: chỉ hạch toán vào TK 622 tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất trực tiếp xây lắp bao gồm: công nhân do công ty quản lý, công nhân thuê ngoài. TK này được mở chi tiết theo công trình, hạng mục công trình, đội xây dựng. Toàn bộ lương chính, lương phụ, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý đội, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương được hạch toán vào tài khoản 627- chi phí sản xuất chung.

VD: Tiền lương nhân viên quản lý đội vào tháng 10/2010, số tiền là 9.732.000 đồng. thay vì định khoản:

Nợ TK 622: 9.732.000

Có TK 334: 9.732.000

Kế toán nên định khoản:

Nợ TK 6271: 9.732.000

Có TK 334: 9.732.000

Tức là : Chi phí nhân công giảm đi 9.732.000

Chi phí sản xuất chung tăng lên 9.732.000

Mặc dù xét về mặt tỷ trọng giá thành là không đổi, nhưng làm cho cơ cấu chi phí sản xuất và giá thành công trình thay đổi. Việc hạch toán chính xác chi phí nhân công trực tiếp có tầm quan trọng đặc biệt trong việc tính toán, hạch toán tiền lương, tiền công thỏa đáng, kịp thời cho người lao động và đảm bảo tính chính xác trong việc tính giá thành công trình xây lắp.

Từng bước cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng cho người lao động với mục đích trả lương đúng kết quả mà người lao động làm ra, tạo đòn bẩy thu hút lao động có trình độ cao, kích thích phát triển sản xuất.

➤ ***Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sử dụng máy thi công:***

Máy móc thi công là một yếu tố quan trọng trong việc sản xuất thi công công trình, hạng mục công trình, đặc biệt là những công trình có giá trị lớn. Sử dụng máy móc thi công giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm xây lắp, đồng thời đảm bảo tiến độ thi công công trình.

Công ty đã sử dụng TK 623- chi phí sử dụng máy thi công, nhưng chưa mở chi tiết cho các tài khoản cấp 2 gây khó khăn cho việc theo dõi và tập hợp chi phí để theo dõi cho từng yếu tố chi phí.

Để phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành, công ty cần mở các TK chi tiết sau:

- TK 6231: chi phí nhân công: phản ánh lương chính, lương phụ, phụ cấp lương phải trả cho công nhân điều khiển xe, máy thi công. TK này không phản ánh khoản trích theo lương BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính trên lương của công nhân máy thi công.

- TK 6232: chi phí nhiên liệu: phản ánh chi phí nhiên liệu phục vụ máy thi công.

- TK6233: chi phí sửa chữa máy

- TK 6234: chi phí khấu hao máy móc
- TK6238: chi phí bằng tiền khác. Phản ánh chi phí bằng tiền phục vụ cho hoạt động của xe, máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công sẽ được tập hợp chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

➤) ***Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất chung:***

Công ty không nên hạch toán tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chi phí sản xuất chung vào TK 6278. Mà nên mở thêm các TK chi tiết cấp 2 để theo dõi một cách chính xác, kế toán đội nên hạch toán rõ ràng các khoản trong chi phí sản xuất chung. Công ty nên mở thêm TK chi tiết sau:

- TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK 6272: Chi Phí vật liệu
- TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

➤ ***Hoàn thiện tổ chức kế toán tính giá thành sản phẩm.***

Hiện nay, công ty đang áp dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành sản phẩm xây lắp. Song thực tế, ngoài công việc xây dựng mới các công trình, hạng mục công trình, Công ty còn thực hiện nhiều hợp đồng cải tạo, nâng cấp các công trình. Các hợp đồng này có đặc điểm là thời gian thi công ngắn, giá trị xây lắp nhỏ nên bên chủ đầu tư thường thanh toán một lần sau khi hoàn thành. Đối với dạng hợp đồng này, công ty áp dụng tính giá thành theo phương pháp trực là không hợp lý.

Công ty nên áp dụng thêm phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng. Phương pháp này sẽ cho phép quản lý chi phí một cách chặt chẽ và chi tiết. việc tính giá thành trở lên đơn giản và nhanh chóng.

Cụ thể, việc tính giá thành theo đơn đặt hàng được tiến hành như sau:

- Khi công trình bắt đầu được khởi công thì mỗi đơn đặt hàng được mở một bảng tính giá thành. Hàng tháng, căn cứ vào các bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi

phí sản xuất chung kế toán lập bảng tổng hợp chi phí cho tất cả các đơn đặt hàng.

Bảng tổng hợp chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng

Tháng ... năm....

TT	Đơn đặt hàng	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí MTC	Chi phí SXC	Tổng cộng

- Số liệu từ bảng tổng hợp này sẽ được chuyển vào bảng tổng hợp chi phí và tính giá thành tương ứng. Khi đơn đặt hàng hoàn thành, được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán thì toàn bộ chi phí sản xuất đã tập hợp là giá thành của sản phẩm.
- Căn cứ vào bảng tính giá thành và giá trị dự toán của đơn đặt hàng đó, kế toán phân tích thành đơn đặt hàng theo các khoản mục chi phí.

KẾT LUẬN

Hoà nhập với sự phát triển hùng mạnh của nền kinh tế thị trường trong điều kiện xã hội hiện nay, một doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại và đứng vững khi biết sử dụng kết hợp đúng đắn các yếu tố đầu vào, thông tin giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chi phối các quyết định quản trị. Nó gắn liền với công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp nói chung, các doanh nghiệp xây lắp nói riêng. Để thị trường chấp nhận sản phẩm của mình, có điều kiện cạnh tranh với sản phẩm của các doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp phải đảm bảo được chất lượng công trình, giá thành hạ. Vì vậy tổ chức kế toán phù hợp và chính xác chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí giá thành, tổ chức kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và từng bộ phận nói riêng, góp phần quản lý vật tư, lao động tiền vốn có hiệu quả.

Trong thời gian thực tập tại công ty, qua tìm hiểu thực tế em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng ở mỗi doanh nghiệp thực sự quan trọng và là một nhân tố góp phần quyết định cho sự tồn tại và vị trí của doanh nghiệp trong điều kiện thị trường hiện nay.

Kết hợp giữa lý thuyết được học khi ngồi trên ghế nhà trường và tình hình thực tế tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234, ở bài viết này em mới chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản cũng như chỉ mới đưa ra những ý kiến bước đầu và chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo, các cô chú, anh chị phòng kế toán công ty.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Th.s Phạm Văn Tường và Ban lãnh đạo cùng các phòng ban của công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 đã hướng dẫn và tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Hải Phòng, tháng 7 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Hạnh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán quyền 1 và quyền 2 – Bộ Tài Chính ban hành.
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Năm 2006.
3. Kế toán và phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp (Học viện tài chính)- PGS .TS Nguyễn Đình Đỗ, TS. Trương Thị Thủy, TS. Nguyễn Đình Cơ, Th.s Nghiêm Thị Thà – Nhà xuất bản Tài Chính - 2006
4. Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán – Đại học kinh tế quốc dân khoa kế toán – PGS.TS. Nguyễn Thị Đông – Nhà xuất bản tài chính năm 2000.
5. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – TS. Nguyễn Văn Công – Nhà xuất bản tài chính- 7/2001.
6. Hướng dẫn thực hành kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp (Trường Đại học Thành phố Hồ Chí Minh) – Nhà xuất bản thống kê – Năm 2002.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG	6
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ SẢN PHẨM XÂY LẮP	6
1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành.	6
1.1.1.1. Đặc điểm của sản phẩm xây lắp.....	6
1.1.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	7
1.1.2. Yêu cầu đối với công tác quản lý và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp	8
1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.	9
1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	10
1.2.1. Chi phí sản xuất và cách phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	10
1.2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất.....	10
1.2.1.2. Các cách phân loại chi phí sản xuất	10
1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	13
1.2.2.1. Khái niệm.....	13
1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.....	13
1.2.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	15
1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP.....	16
1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	16

1.3.1.1. Đối tượng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	16
1.3.1.2. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất	17
1.3.1.3. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất.....	18
1.3.2. Tổ chức quá trình kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp ..	19
1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	19
1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	20
1.3.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công	21
1.3.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất.....	26
1.3.4. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp.....	28
1.3.4.1. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán	29
1.3.4.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán.....	30
1.3.5. Tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	30
1.3.5.1. Đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp	30
1.3.5.2. Phương pháp tính giá thành	31
1.4. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN ĐỂ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	33
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234.....	35
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234.	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	35
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234.....	36
2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất.	36
2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	38
2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234.....	42
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	42

2.1.3.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234.....	44
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234.....	46
2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	46
2.2.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty	46
2.2.1.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	47
2.2.1.3. Phân loại chi phí sản xuất.....	47
2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234.	48
2.2.2.1. Đối tượng tính giá thành tại công ty	48
2.2.2.2. Kỳ tính giá thành.....	48
2.2.2.3. Phương pháp tính giá thành tại công ty	48
2.2.3. Nội dung trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234.....	48
2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	50
2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	59
2.2.3.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.	78
Chi phí sản xuất chung được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình).....	78
2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	88
2.2.4.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp.....	88
2.2.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty	88
2.2.4.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	93
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234.....	97

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234.....	97
3.1.1. Những ưu điểm.....	97
3.1.2. Những nhược điểm.....	100
3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234.....	102
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	100
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Xây dựng Bạch Đăng 234.....	100
KẾT LUẬN	111
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	112